

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 318 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2023

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 31.1.31.2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 419/BC-HĐTD ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 về Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo ĐMC của Quy hoạch;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại các Tờ trình số 2311/TTr-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2023 và số 2828/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh tại Văn bản số 1575/CV-HĐTD ngày 07 tháng 3 năm 2023; ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 2137/BKHĐT-QLQH ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc rà soát tổng thể hồ sơ Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới quy hoạch tỉnh Khánh Hòa bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh Khánh Hòa và không gian biển được xác định theo Luật Biên Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với các chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước; thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn

định, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng.

b) Xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải Trung Bộ.

c) Xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa theo hướng đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và trên cơ sở tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế để phát triển với kinh tế biển là nền tảng; công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, dịch vụ logistics, công nghiệp năng lượng, kinh tế số là đột phá; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển đột phá vùng ven biển; phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và miền núi. Đẩy mạnh đô thị hóa đi đôi với phát triển hài hòa, đảm bảo kết nối đô thị - nông thôn; sử dụng hiệu quả không gian biển gắn với khu vực đất liền; hình thành các hành lang kinh tế kết nối không gian phát triển và tăng cường hiệu ứng lan tỏa, tham gia vào các hành lang kinh tế quan trọng quốc gia.

d) Sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên biển; bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản, truyền thống tốt đẹp, lịch sử; phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giảm nghèo bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; hướng tới các tiêu chuẩn mới về một địa phương đáng sống.

đ) Tạo đột phá trong phát triển cơ sở hạ tầng và hoàn thiện thể chế nhằm huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, trong đó lấy nội lực là nền tảng, ngoại lực là đột phá; cơ cấu hài hòa các động lực phát triển; khơi dậy và phát huy tối đa nhân tố con người, truyền thống cách mạng, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của Nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

e) Xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa phải trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo vững chắc quốc phòng và an ninh; trong đó đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ chiến lược, trọng yếu, phát triển kinh tế là trọng tâm. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển huyện đảo Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước; là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc. Mở rộng các quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế để tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp

công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao. GRDP bình quân đầu người phân đầu vào nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước. Kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ, hiện đại. Hệ thống đô thị phát triển theo hướng hiện đại, thông minh, bền vững, giàu bản sắc với một số đô thị đạt đẳng cấp quốc tế. Nhân dân được hưởng thụ mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc. Hệ sinh thái và cảnh quan thiên nhiên được bảo vệ; có năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu. Quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt 8,3%/năm; trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,4%/năm, Công nghiệp - xây dựng tăng 10%/năm; Dịch vụ tăng 8,7%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 7,3%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 36,2%; Dịch vụ chiếm 48%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,5%.

+ GRDP bình quân đầu người đạt 189 triệu đồng.

+ Tăng trưởng năng suất lao động bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt 7,0%/năm.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt 70%.

+ Tổng lượt khách du lịch đạt 13,8 triệu lượt khách, trong đó có 7 triệu lượt khách quốc tế và 6,8 triệu lượt khách du lịch nội địa.

+ Kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP.

- Về xã hội:

+ Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm khoảng 1,0 - 1,5%/năm.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%; tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.

+ Cơ cấu lao động: Nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 18 - 19%; công nghiệp - xây dựng 30 - 31% và dịch vụ: 50 - 51%.

+ Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; thời gian sống khỏe mạnh (tính theo năm) đạt 68 tuổi.

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98% dân số; đạt 40 giường bệnh/10.000 dân (trong đó 34 giường bệnh công lập/10.000 dân; 06 giường bệnh tư nhân/10.000 dân); 14 bác sĩ/10.000 dân (trong đó 11 bác sĩ công lập/10.000 dân trở lên).

- Về môi trường:

+ Duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt 46,5%.

+ 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó 85% được sử dụng nước sạch; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%. Đảm bảo cấp nước cho các khu, cụm công nghiệp.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100% và xử lý theo quy định đạt 90%; giảm tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom xuống dưới 10%.

+ Các đô thị phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt trên 60% (đối với đô thị loại I) và trên 50% (đối với các loại đô thị còn lại).

- Về kết cấu hạ tầng:

+ Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh Khánh Hòa, đáp ứng các chỉ tiêu đối với đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Nâng cấp, hoàn thiện mạng lưới quốc lộ bảo đảm kết nối, đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp III trở lên, một số đoạn đi qua khu vực miền núi đạt cấp IV trở lên. Nâng cấp, mở rộng mạng lưới đường tỉnh cơ bản đạt cấp IV trở lên đối với các tuyến hiện hữu và cấp V trở lên đối với các tuyến đầu tư xây dựng mới; 100% tuyến đường tỉnh được thảm bê tông nhựa hoặc láng nhựa, bê tông xi măng.

+ Phát triển hệ thống cảng biển Khánh Hòa là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực loại I, tạo tiền đề để khu bến Vân Phong phát triển thành cảng trung chuyển quốc tế; có bến cảng tổng hợp, container, bến cảng khách quốc tế.

+ Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu khoảng 30%.

+ Hạ tầng thông tin và truyền thông tỉnh Khánh Hòa cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến toàn trình cho người dân, doanh nghiệp; hoàn thiện hạ tầng 4G, phát triển hạ tầng 5G tại các khu đô thị, khu công nghiệp để hỗ trợ sản xuất thông minh.

- Về bảo đảm quốc phòng, an ninh: Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nghiên cứu xây dựng huyện đảo Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước; khu vực phòng thủ vững chắc, góp phần quan trọng bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

3. Các đột phá phát triển

a) Tạo đột phá trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thực hiện tốt cơ chế chính sách đặc thù do Quốc hội ban hành nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là để phát triển đột phá 03 vùng trọng điểm - động lực phát triển của tỉnh - là Khu vực vịnh Vân Phong, thành phố Nha Trang và khu vực vịnh Cam Ranh.

b) Tạo đột phá trong phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt cho những ngành quan trọng như du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ logistics, cảng biển, thủy sản và hậu cần nghề cá, công nghệ thông tin.

c) Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế biển như hải dương học, công nghệ đại dương,

công nghệ sản xuất giống thủy sản, công nghệ nuôi trồng và chế biến thủy sản, vaccine và sinh phẩm y tế, ứng dụng công nghệ vào dịch vụ du lịch... Thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, nhất là khởi nghiệp sáng tạo.

d) Tăng cường đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trong xã hội để tạo đột phá trong xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại; trọng tâm là các dự án trọng điểm, có tính lan tỏa, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, hạ tầng đô thị, cảng biển, cảng hàng không và thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu của tỉnh đồng bộ với hạ tầng dữ liệu Quốc gia, tạo nền tảng chuyển đổi số, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

4. Tầm nhìn đến năm 2050

Khánh Hòa là một trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước; là đô thị thông minh, thân thiện với môi trường, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; phấn đấu trở thành một trong những đô thị ven biển thu hút khách du lịch và có môi trường đáng sống hàng đầu của châu Á với hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Các hoạt động kinh tế, xã hội và quản trị của chính quyền vận hành chủ yếu theo phương thức của nền kinh tế số, xã hội số. Các ngành sản xuất, dịch vụ phát triển theo phương thức thông minh với các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Các lĩnh vực xã hội phát triển hài hòa. Môi trường và cảnh quan thiên nhiên được gìn giữ, nhất là môi trường biển và ven biển; là địa phương đi đầu trong việc thực hiện mục tiêu đưa phát thải khí nhà kính về mức "0" của Việt Nam vào năm 2050. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo được giữ vững, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và cuộc sống bình yên của nhân dân; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh

a) Phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao bao gồm du lịch, tài chính, thương mại, logistics, giáo dục và phát triển đô thị. Khánh Hòa trở thành trung tâm dịch vụ đa dạng, chuyên nghiệp với du lịch biển bền vững, các sản phẩm du lịch cao cấp, dịch vụ vận tải - logistics và phát triển đô thị thông minh.

- Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch gắn với bảo vệ môi trường và phát triển các ngành, nghề phụ trợ, gồm du lịch biển, đảo, du lịch núi rừng, sinh thái cộng đồng, du lịch chăm sóc sức khỏe và du lịch di sản văn hóa, tâm linh. Trong đó tập trung phát triển các khu du lịch ven biển, đầu tư khai thác hiệu quả dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí để tạo các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, có thương hiệu, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế; xây dựng các tuyến du lịch nội tỉnh, liên tỉnh và quốc tế gắn với các khu, điểm du lịch trên địa bàn.

- Phát triển dịch vụ logistics thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Chú trọng phát triển các cảng tổng hợp, chuyên dùng cho tàu biển trọng tải lớn tại Vân

Phong và Cam Ranh tạo động lực thúc đẩy kinh tế khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Chú trọng các dịch vụ logistics chất lượng cao có khả năng kết nối với các trung tâm logistics trong và ngoài nước. Phát triển các ngành dịch vụ cung cấp đầu vào và sử dụng đầu ra của ngành dịch vụ vận tải và dịch vụ logistics (dịch vụ phân phối; dịch vụ du lịch; dịch vụ đào tạo nhân lực cho các phân ngành dịch vụ vận tải; dịch vụ viễn thông), trong đó ưu tiên phát triển các dịch vụ phục vụ cho vận tải biển và các dịch vụ khác như e-logistics, thương mại điện tử, dịch vụ tài chính - ngân hàng; ưu tiên phát triển dịch vụ gắn với thương mại hàng hóa, xuất - nhập khẩu và các dịch vụ đi kèm.

- Triển khai các ứng dụng số trên cơ sở phát huy hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ xã hội thông minh: Y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng theo hướng đổi mới quy trình, thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; đa dạng hóa các loại hình khám, chữa bệnh; nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh.

b) Phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; năng lượng; công nghệ thông tin và viễn thông; công nghiệp hỗ trợ. Thu hút các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường và tăng cường chuyên đổi số, tham gia hiệu quả vào các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế số.

Giai đoạn 2021 - 2030 tập trung vào một số ngành công nghiệp theo thứ tự ưu tiên như sau: (1) Công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và thực phẩm chất lượng cao; (2) Công nghiệp cơ khí chế tạo công nghệ cao (chủ đạo là đóng tàu); (3) Công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, chế biến dầu khí; (4) Công nghiệp điện tử, viễn thông, bán dẫn; (5) Công nghiệp hỗ trợ cho các ngành cơ khí chế tạo, điện tử, viễn thông, bán dẫn, dệt may - da giày; (6) Công nghiệp công nghệ sinh học, sản xuất vắc xin, dược liệu biển; (7) Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng mới.

c) Phát triển nông nghiệp theo hướng tập trung quy mô lớn, tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số gắn với chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế. Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến bảo đảm bền vững và hiệu quả cao. Hình thành, phát triển các vùng trọng điểm, chuyên canh sản xuất rau màu, cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản; phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, sử dụng và phát triển bền vững diện tích rừng và đất theo quy hoạch.

Phát triển ngành thủy sản bền vững, giá trị cao, đồng bộ với các ngành, lĩnh vực phụ trợ như cung cấp giống thủy sản, khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực. Phát huy vai trò trung tâm nghề cá lớn để ngư trường Nam Trung Bộ và Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa phát triển trở thành địa bàn mũi nhọn trong đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá của vùng. Bên cạnh đó, phát triển nuôi trồng thủy sản giá trị cao,

đặc biệt là nuôi biển công nghệ cao, gắn với chế biến và xây dựng, quảng bá thương hiệu.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo

Tạo chuyển biến trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đổi mới chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế; sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu học tập của người dân; xây dựng cơ sở vật chất trường học theo hướng chuẩn hóa, tiên tiến, hiện đại; thực hiện tốt công tác phân luồng, hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng; bố trí hợp lý và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ giáo viên. Tăng cường hợp tác, xã hội hóa, đa dạng hóa liên kết đào tạo, thực hiện hiệu quả các chính sách đào tạo và thu hút nguồn nhân lực.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Xây dựng hệ thống y tế tỉnh Khánh Hòa công bằng, hiện đại, chất lượng, hiệu quả, bền vững, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Đưa Khánh Hòa trở thành trung tâm chăm sóc sức khỏe cho vùng duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên. Phát triển đồng bộ từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở theo hướng phát triển cân đối, hài hòa giữa công tác khám chữa bệnh với y tế dự phòng. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế ngày càng có năng lực chuyên môn vững và chuyên sâu đáp ứng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân. Giảm thiểu sự chênh lệch về tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe giữa các vùng miền, các nhóm dân cư, cải thiện một cách bền vững các chỉ số sức khỏe cơ bản. Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân.

c) An sinh xã hội

Thực hiện tốt chế độ, chính sách và huy động xã hội hóa nguồn lực chăm lo người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chương trình, đề án, dự án về giảm nghèo, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

d) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng thành tựu mới của khoa học - công nghệ, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, giá trị sản phẩm, nhất là các sản phẩm có thế mạnh chủ lực của tỉnh; hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, phát triển doanh nghiệp và thị trường khoa học, công nghệ, áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm hàng hóa. Đến năm 2030, Khánh Hòa trở thành một trung tâm của khu vực duyên hải Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thuộc nhóm dẫn đầu trong các lĩnh vực: Hải dương học, công nghệ đại dương, công nghệ sản xuất giống thủy sản, công nghệ nuôi trồng và chế biến thủy sản, vaccine và sinh phẩm y tế, ứng dụng công nghệ vào dịch vụ du lịch. Tích hợp hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo vào các dự án kêu gọi

đầu tư nhằm đạt được mục tiêu xây dựng thành phố Nha Trang và khu vực lân cận trở thành điểm đến cho các công ty công nghệ.

đ) Văn hóa, thể thao

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn, tạo điều kiện cho người dân được thụ hưởng và sáng tạo các giá trị văn hóa; nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; bảo tồn, phát huy tốt giá trị văn hóa truyền thống, đặc biệt là giá trị các di sản văn hóa tiêu biểu tầm vóc quốc gia, quốc tế. Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn có thế mạnh; quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao phục vụ đời sống Nhân dân, phát triển các dịch vụ văn hóa, thể thao gắn với phát triển du lịch; tăng cường công tác xã hội hóa đầu tư cơ sở hạ tầng văn hóa thể thao.

e) An ninh, quốc phòng

Xây dựng lực lượng vũ trang tinh vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, xử lý kịp thời, hiệu quả mọi tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo quốc gia.

3. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Vùng động lực phát triển

- Khu vực vịnh Vân Phong:

Phát triển khu vực vịnh Vân Phong (Khu kinh tế Vân Phong) trở thành một trung tâm kinh tế biển hiện đại, địa bàn động lực phát triển của tỉnh Khánh Hòa nói riêng và khu vực Nam Trung Bộ nói chung. Phát triển khu vực Bắc Vân Phong trở thành đô thị du lịch, nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế; định hướng lâu dài phát triển khu phi thuế quan và cảng trung chuyển quốc tế khi có đủ điều kiện. Khu vực Nam Vân Phong trở thành trung tâm công nghiệp gắn với cảng biển, là khu vực tập trung phát triển các khu công nghiệp, công nghiệp năng lượng tái tạo, chế biến dầu khí, đóng tàu, dịch vụ logistics, dịch vụ vận tải biển và các ngành công nghiệp phụ trợ,... cùng với các dự án khu đô thị, dịch vụ du lịch ven biển.

- Thành phố Nha Trang:

Phát triển thành phố Nha Trang là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực; phát huy hiệu quả hơn nữa vai trò một cực tăng trưởng quan trọng, cửa ngõ hội nhập quốc tế của tỉnh Khánh Hòa.

- Khu vực vịnh Cam Ranh:

Phát triển khu vực vịnh Cam Ranh là vùng trọng điểm về kinh tế, xã hội gắn với quốc phòng, an ninh; trong đó phát triển thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch – logistics, huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế.

b) Các hành lang kinh tế

- Hành lang kinh tế Bắc - Nam: Là một bộ phận của hành lang kinh tế Bắc - Nam của quốc gia. Đây là hành lang kinh tế chủ đạo của tỉnh Khánh Hòa, gắn với trục giao thông Bắc - Nam, kết nối 03 vùng động lực phát triển, kết nối chuỗi đô thị ven biển, các hạ tầng cửa ngõ như cảng biển, cảng hàng không...

- Hành lang kinh tế Đông - Tây (trên cơ sở trục giao thông Quốc lộ 26, Quốc lộ 26B và Cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột): Kết nối khu vực phát triển đô thị, các trung tâm dịch vụ, du lịch, sản xuất công nghiệp ven biển với khu vực nội địa của tỉnh; kết nối khu vực Nha Trang - Vân Phong với tỉnh Đắk Lắk.

- Hành lang Nha Trang - Diên Khánh - Khánh Vĩnh (trên cơ sở Quốc lộ 27C và cao tốc Nha Trang (Khánh Hòa) – Liên Khương (Lâm Đồng)): Tăng cường hiệu ứng lan tỏa phát triển từ thành phố Nha Trang; kết nối tổng hợp cả về đô thị, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp; kết nối khu vực Nha Trang, Diên Khánh, Khánh Vĩnh với tỉnh Lâm Đồng.

- Hành lang Cam Ranh - Cam Lâm - Khánh Sơn (trên cơ sở đường ĐT.656): Kết nối, lan tỏa phát triển từ khu vực ven biển, đồng bằng với trọng tâm là thành phố Cam Ranh và đô thị mới Cam Lâm với khu vực miền núi Khánh Sơn; kết nối về du lịch biển - đảo với du lịch sinh thái núi, rừng, văn hóa; kết nối giữa nông nghiệp - công nghiệp chế biến.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị và tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

a) Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Đến năm 2030, Khánh Hòa có 02 đô thị loại I (thành phố Nha Trang và đô thị mới Cam Lâm), 01 đô thị loại II (thành phố Cam Ranh), 01 đô thị loại III, 02 đô thị loại IV và các đô thị loại V. Trong đó, thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch - logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hòa là đô thị công nghiệp, huyện Diên Khánh là đô thị sinh thái, văn hóa truyền thống; huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là các tiểu đô thị sinh thái núi rừng.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

b) Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở triệt để tận dụng các điểm dân cư hiện hữu, tiết kiệm và hạn chế tối đa sử dụng đất canh tác, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững. Phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên của từng vùng trong tỉnh. Bảo vệ các không gian cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và các không gian có giá trị trong vùng nông thôn.

2. Phương án phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

a) Khu kinh tế

Phát triển Khu kinh tế Vân Phong trở thành một trung tâm kinh tế biển hiện đại. Tổ chức không gian khu kinh tế thành 02 khu vực: Bắc Vân Phong và Nam Vân Phong.

- Phát triển khu vực Bắc Vân Phong trở thành đô thị du lịch, nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế. Phát triển du lịch biển cao cấp để khai thác giá trị tối đa từ lợi thế về vị trí, cảnh quan của khu vực. Kêu gọi đầu tư các khu nghỉ dưỡng hướng tới phân khúc khách hàng cao cấp, thiết kế hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế về bền vững của ngành du lịch. Xây dựng bến cảng đón tàu chở khách du lịch và du thuyền hạng sang. Phát triển cảng biển và dịch vụ hậu cần cảng. Định hướng lâu dài phát triển cảng trung chuyển quốc tế khi có đủ điều kiện. Thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên du lịch bền vững.

- Khu vực Nam Vân Phong trở thành trung tâm công nghiệp gắn với cảng biển, cùng với các dự án khu đô thị, dịch vụ du lịch ven biển. Tập trung thu hút các dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các dự án công nghiệp trọng điểm với các ngành công nghiệp chủ lực như công nghiệp công nghệ cao, năng lượng, chế biến dầu khí, đóng tàu, công nghiệp chế biến, chế tạo, các ngành công nghiệp phụ trợ. Phát triển các cảng hàng hóa gắn với trung tâm logistics tại Nam Vân Phong để phục vụ cho cả khu vực Tây Nguyên và duyên hải Trung Bộ.

b) Khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Quy hoạch hệ thống các khu, cụm công nghiệp hợp lý về không gian lãnh thổ, khai thác được tiềm năng, lợi thế của tỉnh và bảo đảm phát triển bền vững. Phát triển đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp với hệ thống hạ tầng xã hội cùng các dịch vụ phục vụ người lao động. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu; ưu tiên thu hút các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, mang lại giá trị gia tăng cao, tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy, nâng cao hiệu quả kinh tế các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã thành lập.

(Chi tiết tại Phụ lục II, III kèm theo)

3. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Phát triển vùng sản xuất lúa giống, lúa chất lượng cao tại Diên Khánh và Ninh Hòa; vùng sản xuất cây ăn quả tại Cam Ranh, Cam Lâm, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh; vùng trồng mía tại Ninh Hòa; vùng trồng điều tại các huyện vùng phía Tây của tỉnh. Vùng chăn nuôi tại các huyện Diên Khánh, Khánh Vĩnh, Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa.

- Giảm dần diện tích nuôi biển gần bờ, đặc biệt là các khu vực phát triển du lịch, tăng nhanh phát triển diện tích nuôi biển xa bờ. Xây dựng, nhân rộng các vùng nuôi trồng thủy sản được chứng nhận VietGAP, hữu cơ.

- Định hướng phát triển các khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, trang trại trồng trọt, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng chuyên canh... quy mô lớn, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại.

4. Khu quân sự, an ninh, phòng cháy chữa cháy (PCCC) và cứu nạn cứu hộ (CNCH)

- Hoàn thành xây dựng công trình quân sự trong căn cứ chiến đấu theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Lập kế hoạch, từng bước đầu tư xây dựng Sở chỉ huy trong căn cứ hậu phương các huyện, thành phố. Cải tạo nâng cấp một số công trình phụ trợ tại căn cứ chiến đấu. Từng bước lập kế hoạch đầu tư ngân sách xây dựng một số các hạng mục công trình sở chỉ huy trong căn cứ chiến đấu của tỉnh.

- Việc bố trí xây dựng các công trình an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ vào nhu cầu thực tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tại mỗi huyện, thị xã, thành phố có ít nhất 01 đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên nghiệp (của lực lượng Công an) được đầu tư đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về lực lượng, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, doanh trại.

5. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

a) Xác định, lựa chọn mô hình sản xuất phù hợp với năng lực, nhận thức của đồng bào và thế mạnh của địa phương. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng đội ngũ khuyến nông viên, cộng tác viên khuyến nông, những người có kinh nghiệm trong việc nuôi trồng các cây, con có giá trị kinh tế cao.

b) Hình thành các tổ chức hợp tác của nông dân, mở rộng các hình thức hỗ trợ vay vốn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ liên kết nông dân với doanh nghiệp để giải quyết ổn định đầu ra cho sản phẩm. Xây dựng mối liên kết giải quyết việc làm với các doanh nghiệp, đào tạo nghề cho lao động địa phương theo nhu cầu lao động tại các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương, trong và ngoài tỉnh.

c) Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, công trình giao thông gắn kết với vùng sản xuất của đồng bào, tạo điều kiện phát triển sản xuất, lưu thông hàng hoá và tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả với Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển nguồn nhân lực, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các đề án, chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh đối với vùng dân tộc và miền núi.

d) Thu hút, khuyến khích, ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, dịch vụ, vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu... ở vùng dân tộc và miền núi để doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm hàng hóa cho đồng bào, tạo điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm nghèo bền vững.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia

- Các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường sắt, đường thủy nội địa quốc gia, hàng hải, cảng cạn, đường hàng không: Thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt.

- Tại khu vực huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh, nghiên cứu định hướng quy hoạch tuyến tránh Quốc lộ 1 tại khu vực xã Suối Tân, huyện Cam Lâm đến Quốc lộ 1 tại khu vực xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh đi song song với tuyến đường sắt Hà Nội – thành phố Hồ Chí Minh sẽ do địa phương đầu tư thay thế tuyến đường Quốc lộ 1 hiện hữu đang đi qua khu vực huyện Cam Lâm, thành phố Cam Ranh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của địa phương, tạo không gian phát triển đô thị mới trong quá trình lập và phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Cam Lâm.

- Nghiên cứu định hướng khu vực xây dựng cảng hàng không gắn với phát triển Khu kinh tế Vân Phong và phát triển kinh tế - xã hội (vốn đầu tư ngoài ngân sách).

b) Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

- Đường bộ: Gồm 35 tuyến đường tỉnh (bao gồm cả đường ven biển). Các tuyến đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện và liên huyện.

- Đường thủy nội địa: Quy hoạch 04 khu bến thủy nội địa tại các khu vực Vịnh Vân Phong, Đầm Nha Phu, Vịnh Nha Trang và Vịnh Cam Ranh đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Về bến du thuyền: Nghiên cứu các khu bến, phao neo phục vụ tàu du lịch sử dụng các dịch vụ du lịch trên biển tại các khu vực Vịnh Nha Trang, Cam Ranh, Vân Phong.

- Nghiên cứu xây dựng sân bay cho thủy phi cơ phục vụ du lịch gắn với các cảng khách du lịch tại Vân Phong, Nha Trang và Cam Ranh.

(Chi tiết tại Phụ lục IV, V kèm theo)

2. Phương án phát triển nguồn điện và mạng lưới cấp điện

Phát triển nguồn điện gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia. Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây truyền tải 500kV, 220kV và 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải, đặc biệt là tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị mới; từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo).

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Phát triển, nâng cao chất lượng mạng di động băng rộng 4G, mạng lưới di động băng rộng thế hệ thứ 5 (5G); kết hợp đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng ngầm, ngầm hóa hạ tầng ngoại vi, mở rộng lắp đặt các điểm truy cập wifi và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động làm nền tảng xây dựng chính quyền số, phát triển đô thị thông minh, kinh tế số và xã hội số.

- Xây dựng trung tâm dữ liệu tinh theo công nghệ điện toán đám mây, phát triển cơ sở dữ liệu dùng chung và các hệ thống thông tin tập trung phù hợp với lộ trình chuyển đổi số quốc gia và đáp ứng nhu cầu sử dụng của tỉnh; đưa Khánh Hòa trở thành trung tâm dữ liệu của khu vực Nam Trung Bộ.

- Hạ tầng kết nối vạn vật (IoT) được lồng ghép triển khai đồng bộ với việc xây dựng các hạ tầng thiết yếu như: giao thông, điện, nước, đô thị,... phục vụ cho việc triển khai cung cấp các dịch vụ xã hội và phát triển đô thị thông minh. Trong đó, ưu tiên các khu vực: Thành phố Nha Trang, Thành phố Cam Ranh, đô thị mới Cam Lâm, thị xã Ninh Hòa, Khu kinh tế Vân Phong và trung tâm các huyện.

- Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn liên tỉnh (bao gồm các tuyến truyền dẫn dự phòng) thuộc các tuyến Khánh Hòa - Phú Yên, Khánh Hòa - Ninh Thuận, Khánh Hòa - Đắk Lắk.

4. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ

- Tại các đô thị chú trọng phát triển các loại hình trung tâm thương mại, siêu thị; các cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tổng hợp; các trung tâm hội chợ - triển lãm; phát triển các đường phố thương mại (hiện đại và mang bản sắc văn hóa kinh doanh truyền thống). Tại khu vực nông thôn, nâng cấp và mở rộng mạng lưới chợ bán lẻ ở địa bàn các xã; hình thành các trục thương mại theo các trục giao thông liên thôn, liên xã.

- Các trung tâm hội chợ triển lãm được đầu tư xây dựng mới trên địa bàn tỉnh đóng vai trò xúc tiến thương mại trên thị trường vùng duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Phát triển các trung tâm logistics, nhất là trên địa bàn Khu kinh tế Vân Phong và thành phố Cam Ranh, để cung cấp đồng bộ các dịch vụ hậu cần phân phối tại các địa điểm thuận lợi về giao thông, các đầu mối giao thông quan trọng, trung tâm thương mại, khu vực các cơ sở chế biến công nghiệp quy mô lớn.

- Việc đầu tư các kho chứa xăng dầu và khí đốt trên địa bàn căn cứ vào Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phát triển các khu du lịch biển dọc theo đường ven biển, bến du thuyền; phát triển các khu thể thao gắn với du lịch nghỉ dưỡng và đô thị tại các vị trí phù hợp trên cơ sở đảm bảo các quy định hiện hành.

5. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

a) Phương án phát triển thủy lợi

- Đảm bảo cấp nước tưới 100% diện tích đất lúa hai vụ, 80% diện tích đất trồng trọt. Đảm bảo cấp nước tạo nguồn cho sinh hoạt và công nghiệp.

- Nâng cao khả năng tiêu thoát ra các sông, kênh tiêu, bảo đảm thoát nước cho các vùng đồng bằng, vùng thấp trũng với tần suất thiết kế 5-10%; chủ động trong điều tiết lũ, kiểm soát triều, ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng, hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Xây dựng hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu và toàn diện, hoàn chỉnh cho từng hệ thống. Nâng cấp, hiện đại hóa công trình đầu mối, kênh dẫn, điều khiển vận hành để phát huy năng lực thiết kế và nâng cao năng lực phục vụ. Nghiên cứu đầu tư các công trình tích trữ nước, đập dâng, đập ngăn mặn giữ ngọt, hệ thống dẫn nước và chuyển nước để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho từng khu vực. Thực hiện kiên cố hóa kênh mương và sửa chữa kênh mương đã xuống cấp để đảm bảo tưới, tiêu thoát nước chủ động, giảm thất thoát nước; tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương các loại toàn tỉnh đến năm 2030 đạt khoảng 80%.

(Chi tiết theo Phụ lục VII kèm theo).

b) Phương án cấp nước

- Phương án phân vùng cấp nước thành 05 vùng cấp nước chính trên toàn tỉnh bao gồm: (i) Vùng Vạn Ninh: Bao gồm các xã thuộc huyện Vạn Ninh, trừ xã Vạn Hưng; (ii) Vùng lưu vực Sông Cái Ninh Hòa: Bao gồm toàn bộ thị xã Ninh Hòa và xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh; (iii) Vùng lưu vực Sông Cái Nha Trang: Bao gồm các xã thuộc huyện Khánh Vĩnh, Diên Khánh, thành phố Nha Trang và 3 xã Suối Cát, Suối Tân, Cam Hòa, huyện Cam Lâm; (iv) Vùng Cam Lâm - Cam Ranh: Bao gồm các xã còn lại của huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh; (v) Vùng Tô Hạp: Bao gồm toàn bộ huyện Khánh Sơn.

- Duy trì hệ thống cấp nước đô thị hiện tại, ưu tiên thu hút đầu tư nâng công suất các công trình hiện có để đảm bảo cấp nước cho các khu đô thị mới, các vùng dân cư nông thôn lân cận. Xây dựng mới các nhà máy nước lấy nguồn nước từ các hồ Sông Chò, Đá Bàn, Đồng Điền, Tiên Du, Cam Ranh Thượng.

- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung tại khu vực nông thôn; đầu tư các công trình nối mạng cấp nước liên xã.

c) Phương án thoát nước

- Phân vùng tiêu thoát nước mặt:

+ Lưu vực vịnh Vân Phong: Gồm toàn bộ các xã thuộc huyện Vạn Ninh và Khu kinh tế Vân Phong, thoát về các trục tiêu hở gần nhất như sông Đồng Điền, sông Hiền Lương, sông Bình Sơn... chảy xuống vịnh Vân Phong.

+ Lưu vực sông Cái Ninh Hòa: Gồm toàn bộ thị xã Ninh Hòa, thoát về dòng chính là sông Cái Ninh Hòa (đoạn thượng lưu gọi là sông Cái, đoạn hạ lưu gọi là sông Dinh), bên cạnh đó còn có các phụ lưu như sông Đá Bàn, sông Tân Lâm, sông Cây Sao, suối Trầu, sông Cầu Lắm, suối Tiên Du... chảy xuống vịnh Nha Phu.

+ Lưu vực sông Cái Nha Trang: Gồm toàn bộ huyện Khánh Vĩnh, Diên Khánh và thành phố Nha Trang, thoát về dòng chính sông Cái Nha Trang (phía thượng và trung nguồn có nhiều phụ lưu nhỏ như sông Khế, sông Giang, sông Cầu, sông Chò, suối Dầu, suối Bé...) chảy xuống vịnh Nha Trang.

+ Lưu vực vịnh Cam Ranh: Gồm toàn bộ huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh, thoát về sông Cạn, sông Tà Rục, suối Hành, suối Cát... chảy xuống vịnh Cam Ranh.

+ Lưu vực sông Tô Hạp: Gồm toàn bộ huyện Khánh Sơn, thoát về sông Tô Hạp (là sông duy nhất không thoát ra Biển Đông mà thoát ngược sang địa bàn tỉnh Ninh Thuận).

- Hệ thống thoát nước tại các khu đô thị, nông thôn:

Tiếp tục nâng cấp, mở rộng, nâng cao hiệu quả của các hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại các đô thị, khu kinh tế và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; quan tâm xây dựng hệ thống thoát nước thải đô thị, nông thôn. Đối với khu vực phát triển sản xuất nông - lâm - thủy sản, thoát nước qua hệ thống kênh mương thủy lợi, công trình đầu mối.

6. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

a) Xử lý chất thải rắn

- Xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Ưu tiên nâng cấp, cải tạo và mở rộng các cơ sở xử lý chất thải rắn hiện hữu; xây dựng các cơ sở mới chỉ áp dụng cho trường hợp cơ sở xử lý cũ đã lấp đầy, hết quỹ đất để mở rộng và đáp ứng yêu cầu cấp thiết cho việc xử lý chất thải rắn trong tương lai. Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn được xử lý bằng các công nghệ khác (tái chế, tái sử dụng, chế biến phân hữu cơ...) đạt 85%.

- Xử lý chất thải rắn công nghiệp: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và xử lý tập trung cùng với chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn nguy hại được thu gom xử lý tại các cơ sở có chức năng xử lý chất thải rắn nguy hại. Nghiên cứu đầu tư xây dựng mới khu xử lý chất thải rắn nguy hại có tính chất liên vùng.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo).

b) Xử lý chất thải y tế

Triển khai đầu tư hoàn thiện hạ tầng xử lý chất thải cho các cơ sở y tế, trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh, bao gồm xây dựng hệ thống xử lý nước thải và bổ sung thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại với công nghệ mới, thân thiện với môi trường (thiết bị vi sóng, thiết bị hấp áp lực thấp...).

c) Các nhà máy xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng tại các khu vực đô thị (khu vực nội thị cũ của thành phố Nha Trang sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng). Xây dựng, nâng cấp các nhà máy xử lý nước thải tại các đô thị.

- Nước thải công nghiệp: Xây dựng, vận hành các nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải; nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề phải được xử lý sơ bộ trước khi đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo đúng quy định.

- Khu vực nông thôn: Thực hiện theo đồ án quy hoạch nông thôn mới được phê duyệt. Khuyến khích xây dựng mạng lưới thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung.

7. Phương án phát triển hạ tầng hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Phù hợp với quy hoạch phát triển cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá của quốc gia; bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Hoàn thiện hạ tầng 02 khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng và 02 khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh.

8. Phương án phát triển hạ tầng xã hội

a) Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

- rà soát, điều chỉnh và đầu tư, nâng cấp mạng lưới, quy mô cơ sở giáo dục các cấp theo hướng hiện đại, phù hợp hơn. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của trường học các cấp; đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu thực tế và bảo đảm khả năng tiếp cận giáo dục cho học sinh. Đảm bảo quỹ đất cho việc mở rộng, xây mới hạ tầng giáo dục các cấp học.

- Căn cứ vào nhu cầu thực tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tại mỗi huyện, thị xã, thành phố thành lập ít nhất 01 cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

- Phát triển mạng lưới các cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo hướng xã hội hóa, huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư để xây dựng một số cơ sở đào tạo đạt chuẩn quốc tế. Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trường trung cấp nghề.

- Thu hút các trường đại học trong và ngoài nước thiết lập phân hiệu, cơ sở đào tạo tại tỉnh Khánh Hòa.

b) Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

- Bảo đảm quỹ đất và không gian cho việc mở rộng diện tích và xây dựng mới hạ tầng văn hóa, thể thao; ưu tiên xây dựng hạ tầng mới ở các vị trí trung tâm với kiến trúc hiện đại và phù hợp với đặc trưng văn hóa vùng, miền, dân tộc.

- Đầu tư các công trình văn hóa thể thao trọng điểm; chú trọng công tác tu bổ, tôn tạo di tích; phát triển các khu vực tôn giáo, tín ngưỡng mang tính đặc trưng của địa phương và thu hút khách du lịch.

- Phát triển các trung tâm thể thao, nhà thi đấu hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về giao lưu, trao đổi, hưởng thụ văn hóa, luyện tập thể dục, thể thao

của các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh; đồng thời đưa Khánh Hòa trở thành trung tâm thể thao trọng điểm của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa văn hóa, thể thao, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng nhằm phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, thể thao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

c) Phương án phát triển hạ tầng y tế

- Xây dựng hạ tầng y tế tỉnh Khánh Hòa đồng bộ, hiện đại; chú trọng việc mở rộng và xây dựng mới các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập; đồng thời cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế đã hoạt động lâu năm, xuống cấp nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở.

- Ưu tiên xây dựng mới và mở rộng các khu khám và điều trị bệnh trong các khu đô thị mới có tốc độ phát triển cao, góp phần phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh; hiện đại hóa trang thiết bị y tế để đủ khả năng thực hiện, phát triển một số kỹ thuật phù hợp với xu thế bệnh tật giai đoạn tới.

- Phát triển Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Trung Bộ.

- Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm và các bệnh liên quan đến môi trường sống.

d) Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

Huy động đa dạng các nguồn lực để xây dựng hệ thống hạ tầng an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo trợ xã hội; tiếp tục rà soát, sắp xếp và đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có; đồng thời ưu tiên và khuyến khích nâng cấp một số cơ sở trợ giúp xã hội cả công lập và ngoài công lập nhằm đảm bảo đầy đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần, người nghiện ma túy và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.

đ) Phương hướng phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

- Xây dựng hệ thống hạ tầng khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa đồng bộ, hiện đại, tạo nền tảng và góp phần tăng cường nguồn lực nội sinh để tỉnh Khánh Hòa phát triển nhanh và bền vững, phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và tận dụng tối đa các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường đầu tư, phát triển Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương; đồng thời tăng cường năng lực nghiên cứu của Viện Hải dương học Nha Trang nhằm phát triển các ứng dụng công nghệ đại dương, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh.

- Chú trọng đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất cho Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

- Tạo điều kiện phát triển vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo dưới hình thức xã hội hóa từ các nguồn lực xã hội.

- Kêu gọi đầu tư thành lập Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT); xúc tiến đầu tư, thu hút các công ty công nghệ lớn trong và ngoài nước đầu tư các trung tâm nghiên cứu, làm việc tại Khánh Hòa.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Đảm bảo việc sử dụng đất có hiệu quả, tiết kiệm; đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai; tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã phân bổ cho tỉnh Khánh Hòa.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

VII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

Quy hoạch phân vùng không gian liên huyện của tỉnh thành 04 vùng, gồm:

a) Vùng phía Bắc: Gồm huyện Vạn Ninh, khu vực thị xã Ninh Hòa thuộc ranh giới của Khu kinh tế Vân Phong.

b) Vùng trung tâm: Gồm khu vực thành phố Nha Trang và phía Nam thị xã Ninh Hòa, huyện Diên Khánh.

c) Vùng phía Nam: Gồm thành phố Cam Ranh và đô thị Cam Lâm.

d) Vùng phía Tây: Gồm huyện Khánh Vĩnh, huyện Khánh Sơn, và khu vực phía Tây thị xã Ninh Hòa.

2. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng huyện

Quy hoạch 08 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm: 02 thành phố (Nha Trang, Cam Ranh), 05 huyện (Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Cam Lâm) và 01 thị xã (Ninh Hòa).

VIII. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN; PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phương án phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng môi trường tỉnh Khánh Hòa theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác để làm cơ sở cho triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm: Khu dân cư tập trung ở đô thị (vùng nội thành, nội thị của các đô thị loại I, loại II, loại III); nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu bảo tồn thiên nhiên; khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải, bao gồm: Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng môi trường khác: Các khu vực còn lại.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

b) Các trạm, điểm quan trắc môi trường

Nghiên cứu, xây dựng các trạm, điểm quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn; điểm quan trắc định kỳ môi trường nước mặt; trạm, điểm quan trắc môi trường nước biển ven bờ; điểm quan trắc môi trường nước dưới đất; điểm quan trắc định kỳ môi trường trầm tích; trạm quan trắc san hô; trạm quan trắc cỏ biển phù hợp với quy hoạch ngành được duyệt.

c) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Quy hoạch các khu vực: Khu vực đa dạng sinh học cao (SHC), các vùng đất ngập nước quan trọng (ĐQT), các khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng (CQT), hành lang đa dạng sinh học (HL), khu bảo tồn thiên nhiên (BT), các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (CS).

d) Định hướng bảo vệ và phát triển rừng

Bảo vệ và phục hồi hiệu quả tối đa diện tích rừng tự nhiên; duy trì, củng cố các khu rừng đặc dụng hiện có; thành lập mới, khôi phục, tái phát triển một số khu rừng đặc dụng. Rà soát điều chỉnh rừng phòng hộ sang rừng đặc dụng, điều chỉnh bổ sung rừng phòng hộ đầu nguồn; xây dựng các dự án đầu tư bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển. Tập trung hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất gỗ lớn, hình thành các chuỗi trong sản xuất lâm nghiệp, cấp chứng chỉ rừng...; thực hiện các biện pháp lâm sinh để cải tạo phục hồi rừng.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

a) Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quyết định được phê duyệt và quy định của pháp luật.

b) Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến các khu, điểm mỏ khoáng sản phải theo quan điểm phát triển bền vững, tăng trưởng xanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện theo quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tận dụng tối đa nguồn đất, đá thải mỏ làm vật liệu san lấp mặt bằng các dự án phát triển hạ tầng đô thị, giảm áp lực lên các bãi thải mỏ.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân vùng tài nguyên nước

Tài nguyên nước tỉnh Khánh Hòa được phân thành 05 vùng chính:

- Vùng Vạn Ninh: Gồm 12 xã, thị trấn của huyện Vạn Ninh.
- Vùng lưu vực sông Cái Ninh Hòa: Gồm toàn bộ thị xã Ninh Hòa và 01 xã của huyện Vạn Ninh.
- Vùng lưu vực sông Cái Nha Trang: Gồm toàn bộ thành phố Nha Trang, huyện Khánh Vĩnh, huyện Diên Khánh và 03 xã thuộc huyện Cam Lâm.
- Vùng Cam Lâm - Cam Ranh: Gồm toàn bộ thành phố Cam Ranh và 12 xã, thị trấn của huyện Cam Lâm.
- Vùng Tô Hạp: Gồm toàn bộ huyện Khánh Sơn.

b) Phân bổ tài nguyên nước

Nguồn nước được phân bổ theo thứ tự ưu tiên: (1) Nước cho sinh hoạt; (2) Nước cho sản xuất công nghiệp; (3) Nước cho hoạt động nông nghiệp; (4) Nước cho kinh doanh du lịch, dịch vụ. Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, nguồn nước được phân bổ đủ cho sinh hoạt, lượng nước còn lại sẽ được phân bổ cho các ngành còn lại theo tỷ lệ phù hợp và phụ thuộc vào phân vùng cấp nước.

c) Bảo vệ tài nguyên nước

Quản lý, phân bổ nguồn nước đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa các ngành, tổ chức, cá nhân dùng nước, cấp đủ nước cho các ngành kinh tế, ưu tiên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp có giá trị cao; bảo vệ tài nguyên nước không bị ô nhiễm, suy thoái cạn kiệt, bảo vệ chức năng nguồn nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nhằm đảm bảo an ninh lâu dài về tài nguyên nước, góp phần thúc đẩy, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa.

d) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng lưới quan trắc giám sát chất lượng nguồn nước. Tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn; xây dựng đê,

tường chắn lũ quét, hồ chứa điều tiết lũ để phòng, chống, giảm thiểu tác hại do lũ gây ra tại vùng thượng lưu, hạ lưu các sông. Nâng cấp và hoàn thiện đầu tư xây dựng hệ thống đập ngăn mặn, các công trình khai thác, sử dụng nước đảm bảo công suất; tăng cường diện tích trồng rừng, đặc biệt chú trọng bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ và nâng cao chất lượng rừng nhằm phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn. Chú trọng xây dựng nhà máy, trạm xử lý nước thải, hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn

- Huyện Vạn Ninh là khu vực chịu rủi ro rất lớn về bão, áp thấp nhiệt đới; nắng nóng, hạn hán; mưa lớn.

- Thị xã Ninh Hòa, thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh và huyện Cam Lâm là khu vực chịu rủi ro rất lớn về bão, áp thấp nhiệt đới; nắng nóng, hạn hán; mưa, lũ, nước dâng, xâm nhập mặn.

- Huyện Khánh Vĩnh và huyện Khánh Sơn là khu vực chịu rủi ro lớn về bão, áp thấp nhiệt đới; nắng nóng, hạn hán.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn phục vụ giám sát, cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng hoàn thiện dần các hệ thống cảnh báo, dự báo thiên tai và giám sát biến đổi khí hậu.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh (sạt lở bờ sông, mức độ ngập lụt, khu vực lũ quét, khu vực hạn hán, nguy cơ bão).

- Chuyển đổi các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu để chủ động phòng tránh dịch bệnh, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến để hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro trong nông nghiệp.

- Thường xuyên thực hiện củng cố, tu sửa, tu bổ, nâng cấp và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai; bảo đảm an toàn hồ, đập.

- Xây dựng các kế hoạch tổ chức ứng phó thiên tai trong trường hợp xảy ra bão; lũ, ngập lụt và sự cố hồ, đập; lũ quét, sạt lở đất; hạn hán.

c) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

- Đầu tư, nâng cấp các hồ chứa thượng nguồn kết hợp xây dựng quy trình vận hành để tăng cường năng lực cắt giảm lũ cho hạ du. Nâng cao năng lực giám sát, dự báo và cảnh báo lũ trên các hồ chứa và trên các sông.

- Nạo vét, mở rộng các trục thoát lũ, tiêu úng; củng cố, hoàn thiện hệ thống kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển, đáp ứng yêu cầu phòng chống lũ, bão nhằm bảo

vệ dân cư, vùng sản xuất nông nghiệp, kết hợp đường giao thông các sông thuộc lưu vực sông Cái Ninh Hòa và sông Cái Nha Trang.

IX. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

X. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Các giải pháp huy động, sử dụng vốn đầu tư

- Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác lập và triển khai các kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của tỉnh. Từng bước có quy trình, cơ chế phù hợp để tham vấn rộng rãi cộng đồng dân cư, doanh nghiệp về các chương trình, dự án đầu tư công nhằm tạo điều kiện phối hợp nguồn lực giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân.

- Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý chi ngân sách thiết thực và hiệu quả. Ưu tiên tăng chi cho đầu tư phát triển. Tăng tỷ trọng các khoản chi cho các lĩnh vực đột phá phát triển, có tác động lâu dài và phù hợp với xu thế như hạ tầng, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh để đảm bảo nguồn thu ngân sách và mở rộng cơ sở thu. Khai thác hợp lý nguồn lực từ đất đai trên cơ sở thực hiện công khai, minh bạch trong đấu giá quyền sử dụng đất.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh cải cách hành chính. Nâng cao thứ hạng của tỉnh trong bảng xếp hạng các chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Cải cách hành chính (PAR INDEX)...

- Khuyến khích, thu hút các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; chú trọng thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, đào tạo nghề..., qua đó huy động thêm nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực.

2. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách ưu đãi, đặc thù do Trung ương, Quốc hội, Chính phủ ban hành về phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển các lĩnh vực theo hướng thông thoáng, hấp dẫn các nhà đầu tư để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Hợp tác vùng và quốc gia: Ký kết và triển khai thực hiện các cơ chế phối hợp và văn bản hợp tác giữa tỉnh Khánh Hòa với các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, vùng Tây Nguyên và các địa phương khác để

khai thác các tiềm năng, thế mạnh và hỗ trợ nhau cùng phát triển, phát huy tính kinh tế về quy mô trên cấp độ vùng và tăng cường học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau.

- Hợp tác quốc tế: Tận dụng các cơ hội, lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết với các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, đặc biệt các FTA thế hệ mới để thúc đẩy quảng bá, xuất khẩu các sản phẩm, hàng hóa đặc trưng của tỉnh. Tích cực, chủ động mở rộng các mối quan hệ hợp tác chiến lược, lâu dài và nâng cao vị thế của tỉnh với các địa phương, tập đoàn kinh tế, tổ chức tài chính quốc tế.

3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng các chế độ, chính sách đãi ngộ và thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao tới làm việc tại Khánh Hòa.

- Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo và giáo dục nghề nghiệp. Thường xuyên rà soát, bổ sung những ngành, nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn phát triển. Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo và giảng viên, giáo viên; đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tiếp cận và cập nhật kiến thức thực tiễn. Thực hiện điều chỉnh, cải tiến nội dung, giáo trình đào tạo, gắn kết chặt chẽ giữa nội dung đào tạo, giảng dạy với xu thế và thành tựu phát triển của khoa học - công nghệ. Kết hợp linh hoạt giữa lý thuyết và thực hành, hướng tới tăng dần thời lượng thực hành. Tăng cường mối liên kết và hợp tác giữa các cơ sở giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp với các doanh nghiệp và tổ chức sử dụng lao động.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Huy động mọi nguồn lực trong xã hội nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp trong phát triển nguồn nhân lực. Có chính sách hỗ trợ công tác đào tạo lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

4. Giải pháp về môi trường, khoa học công nghệ

- Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường nguồn lực đầu tư cho bảo vệ môi trường, tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra phục vụ bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; tăng cường vai trò của người dân trong bảo vệ môi trường.

- Tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phân đầu đạt mức 2% tổng chi ngân sách địa phương dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh việc đa dạng hóa các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, hướng tới mục tiêu tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu và chuyên lên các khâu tạo ra giá trị gia tăng cao hơn.

- Tăng cường liên kết, hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp trong các giai đoạn từ ý tưởng, nhu cầu nghiên cứu, cho đến triển khai, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Áp dụng các mô hình phát triển đô thị để nâng cao hiệu quả phát triển đô thị của tỉnh như các mô hình đô thị thông minh, đô thị xanh, đô thị sinh thái... Tăng cường áp dụng phương pháp phát triển theo định hướng giao thông công cộng (TOD) trong quy hoạch phát triển đô thị. Bảo tồn bản sắc văn hóa, kiến trúc, cảnh quan khu vực đô thị, nông thôn.

- Kịp thời công bố, công khai quy hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch; kịp thời phát hiện các vướng mắc để tổng hợp nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp. Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kiến trúc công trình thông qua hồ sơ dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế thi công và cấp giấy phép xây dựng công trình. Đối với các công trình lớn, trọng điểm cần thực hiện theo hình thức thi tuyển để chọn phương án kiến trúc phù hợp, bảo đảm thẩm mỹ và hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện tốt việc quản lý dân cư và du khách bảo đảm động lực phát triển kinh tế bền vững và trật tự an toàn xã hội. Xây dựng lộ trình thích hợp để mở rộng ranh giới các đô thị, nâng hạng đô thị sau khi đã tiến hành xây dựng, nâng cấp chất lượng hạ tầng đô thị tại các khu vực dân cư nông thôn tiếp giáp với ranh giới khu vực đô thị.

- Quản lý và cập nhật kịp thời cơ sở dữ liệu đa ngành của các sở, ban ngành theo hướng số hóa, sử dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp hiệu quả giữa các sở, ngành trong công tác quản lý, cải tạo, chỉnh trang và phát triển hạ tầng đô thị và quy hoạch.

6. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; tập trung kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch chung, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật.

- Triển khai xây dựng kế hoạch hành động, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung để cụ thể hóa các nội dung trong quy hoạch tỉnh thành kế hoạch 05 năm và hàng năm bảo đảm thống nhất giữa các cấp chính quyền; định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

XI. BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục bản đồ Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XIII kèm theo.

Điều 2.

1. Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ để triển khai lập các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, danh mục dự án và thứ tự ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch khác có liên quan (nếu có), bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư dự án bảo đảm phù hợp với tiến độ, điều kiện thực tiễn, yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động, bố trí được đầy đủ các nguồn lực thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

Điều 3.

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14.

c) Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển và theo quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

d) Tiếp tục thực hiện các yêu cầu, nội dung bảo vệ môi trường khi triển khai các dự án thực hiện Quy hoạch, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần phát triển bền vững; tổ chức quan trắc, giám sát, quản lý môi trường; lưu giữ cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường phục vụ quá trình chuyển đổi số trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

đ) Sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa

thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nếu có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn thì khẩn trương có giải pháp xử lý để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân có liên quan; kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa trong quá trình thực hiện Quy hoạch; trường hợp cần thiết, phối hợp với tỉnh nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHĐP.



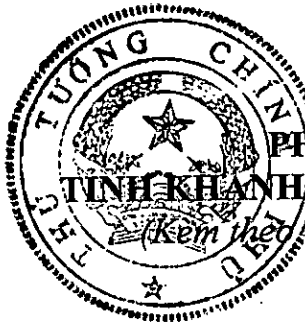


Phụ lục I

**PHƯƠNG AN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ
TỈNH KHÁNH HÒA THỜI KỲ 2021 - 2030**

*Kính theo Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Huyện / Thành phố / Thị xã	Tên đô thị	Định hướng phân loại đô thị	
			Năm 2025	Năm 2030
1	Thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang	I	I
2	Thành phố Cam Ranh	Thành phố Cam Ranh	II	II
3	Thị xã Ninh Hòa	Thị xã Ninh Hòa	IV	III
4	Huyện Cam Lâm	Thị trấn Cam Đức	IV	Đến năm 2030 đô thị Cam Lâm là đô thị loại I
		Suối Tân	V	
5	Huyện Vạn Ninh	Thị xã Vạn Ninh	IV	IV
6	Huyện Diên Khánh	Thị xã Diên Khánh	IV	IV
7	Huyện Khánh Vĩnh	Thị trấn Khánh Vĩnh	V	V
8	Huyện Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp	V	V
9	Huyện Trường Sa	Thị trấn Trường Sa	V	V



Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

TỈNH KHÁNH HÒA THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023

của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích phân bổ đến 2030 (ha)	Diện tích dự kiến phân bổ sau năm 2030 (ha)
	Tổng cộng		4.440	1.120	4.440
I	Các khu công nghiệp hiện có		633	633	633
1	Khu công nghiệp Suối Dầu	Huyện Cam Lâm	137	137	137
2	Khu công nghiệp Ninh Thủy	Thị xã Ninh Hòa	208	208	208
3	Khu công nghiệp Dốc Đá Trắng	Huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa	288	288	288
II	Các khu công nghiệp đang triển khai và phát triển mới đến năm 2030		487	487	487
1	Khu công nghiệp Nam Cam Ranh	Thành phố Cam Ranh	352	352	352
2	Khu công nghiệp Ninh Diêm 3 (Giai đoạn 1)	Thị xã Ninh Hòa	135	135	135
III	Các khu công nghiệp dự kiến mở rộng, phát triển mới		3.320		3.320
1	Khu công nghiệp Ninh Diêm 1	Thị xã Ninh Hòa	250		250
2	Khu công nghiệp Ninh Diêm 2	Thị xã Ninh Hòa	215		215
3	Khu công nghiệp Ninh Diêm 3 (Giai đoạn 2)	Thị xã Ninh Hòa	155		155
4	Khu công nghiệp Ninh Thọ	Thị xã Ninh Hòa	370		370
5	Khu công nghiệp Ninh Sơn	Thị xã Ninh Hòa	480		480
6	Khu công nghiệp Diên Thọ	Huyện Diên Khánh	300		300

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích phân bổ đến 2030 (ha)	Diện tích dự kiến phân bổ sau năm 2030 (ha)
7	Khu công nghiệp Ninh An	Thị xã Ninh Hòa	150		150
8	Khu công nghiệp Xuân Sơn	Huyện Vạn Ninh	200		200
9	Khu công nghiệp Vạn Lương	Huyện Vạn Ninh	200		200
10	Khu công nghiệp Ninh Xuân	Thị xã Ninh Hòa	1.000		1.000

Ghi chú: Việc đầu tư các dự án phát triển khu công nghiệp trên địa bàn phải phù hợp với nhu cầu thực tế và căn cứ theo chỉ tiêu sử dụng đất trong thời kỳ 2021 - 2030 và sau năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.



Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH KHÁNH HÒA THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích đến năm 2030 (ha)
	Tổng cộng		669,00
1	Cụm công nghiệp Đặc Lộ	Xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang	34,52
2	Cụm công nghiệp Diên Phú		49,77
3	Cụm công nghiệp Diên Phú-VCN	Xã Diên Phú, Huyện Diên Khánh	25,23
4	Cụm công nghiệp Diên Thọ	Xã Diên Thọ, Huyện Diên Khánh	75
5	Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco	Xã Ninh Ích, Thị Xã Ninh Hòa	35,58
6	Cụm công nghiệp Ninh Xuân	Xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa	75
7	Cụm công nghiệp Sông Cầu	Xã Sông Cầu, Huyện Khánh Vĩnh	75
8	Cụm công nghiệp Khánh Bình	Xã Khánh Bình, Huyện Khánh Vĩnh	50
9	Cụm công nghiệp Trảng É 1		34,95
10	Cụm công nghiệp Trảng É 2	Xã Suối Cát và xã Suối Tân, huyện Cam Lâm	67,58
11	Cụm công nghiệp Trảng É 3		48,81
12	Cụm công nghiệp Sơn Bình	Xã Sơn Bình huyện Khánh Sơn	18
13	Cụm công nghiệp Cam Thành Nam	Xã Cam Thành Nam, thành phố Cam Ranh	40
14	Cụm công nghiệp Cam Thịnh Đông	Xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh	40

Ghi chú: Việc đầu tư các dự án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn phải phù hợp với nhu cầu thực tế và căn cứ theo chỉ tiêu sử dụng đất trong thời kỳ 2021 - 2030 và sau năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư.



Phụ lục IV

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ
TỈNH KHÁNH HÒA THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**
(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch tối thiểu (Cấp; Số làn)
A	Quốc lộ			
I	Các tuyến quốc lộ qua địa bàn tỉnh đã được phê duyệt theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021			
1	QL.1	Đại Lãnh, Vạn Ninh	Cam Thịnh Đông, Cam Ranh	III, 4 làn xe
2	QL.26	Giao QL.1, Ninh Hiệp, Ninh Hòa	Ninh Tây, Ninh Hòa	III, 2-4 làn xe
3	QL.26B	Giao QL.26, Ninh Xuân, Ninh Hòa	Cảng Hyundai Vinashin, Ninh Thủy, Ninh Hòa	III, 2-4 làn xe
4	QL.27B	Giáp ranh tỉnh Ninh Thuận tại xã Cam Thịnh Tây, Cam Ranh	Giao QL.1, Cam Thịnh Đông, Cam Ranh	III, 2-4 làn xe
5	QL.27C	Giao QL1, Diên Thạnh, Diên Khánh	Sơn Thái – Khánh Vĩnh	III-IV, 2-4 làn xe
II	Định hướng quy hoạch tuyến đường tránh QL.1			
1	Tuyến tránh QL.1 qua đô thị (đoạn Cam Lâm - Cam Ranh)	Giao QL.1, Suối Tân, Cam Lâm	Giao QL.1, Cam Thịnh Đông, Cam Ranh	III, 4 làn xe
B	Đường Cao tốc			
1	Cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01)	Giáp ranh tỉnh Phú Yên tại xã Đại Lãnh, Vạn Ninh	Giáp ranh tỉnh Ninh Thuận tại xã Cam Thịnh Tây, Cam Ranh	6 làn xe
1.1	Hầm đèo Cả (Phú Yên - Khánh Hòa)	Giáp ranh tỉnh Phú Yên tại xã Đại Lãnh, Vạn Ninh	Vạn Thọ, Vạn Ninh	6 làn xe
1.2	Vân Phong - Nha Trang	Vạn Thọ, Vạn Ninh	Diên Thọ, Diên Khánh	6 làn xe

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch tối thiểu (Cấp; Số làn)
1.3	Nha Trang - Cam Lâm	Diên Thọ, Diên Khánh	Cam Thịnh Tây - Cam Ranh	6 làn xe
1.4	Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Cam Thịnh Tây - Cam Ranh	Giáp ranh tỉnh Ninh Thuận tại xã Cam Thịnh Tây - Cam Ranh	6 làn xe
2	Khánh Hòa – Buôn Ma Thuật (CT.24)	QL.1 - Khu vực Cảng Nam Vân Phong, Ninh Hòa	Ninh Tây, Ninh Hòa	4 làn xe
3	Nha Trang (Khánh Hòa) – Liên Khương (Lâm Đồng) (CT.25)	Giao cao tốc CT.01 - Khu vực Diên Khánh	Sơn Thái – Khánh Vĩnh	4 làn xe
C	Đường tỉnh (bao gồm cả đường ven biển)			
1	ĐT.651	Giao QL.1, Vạn Thọ, Vạn Ninh	Sơn Đùng, Vạn Thạnh, Vạn Ninh	II
2	ĐT.651B	Giao QL.1 (đường kết nối cao tốc CT.01), Vạn Thắng – Vạn Bình, Vạn Ninh	Giao QL.26B, Nam Vân Phong, Ninh Diêm, Ninh Hòa	III
3	ĐT.651C	Giao ĐT.651, Vạn Thọ, Vạn Ninh	Giao QL.1, Vạn Giã, Vạn Ninh	III; Đường chính đô thị
4	ĐT.651D	Giao QL.1, Vạn Giã, Vạn Ninh	Giao ĐT.652B, Ninh Hải, Ninh Hòa	III, II
5	ĐT.651E	Giao ĐT.651B, Vạn Hưng, Vạn Ninh	Xuân Sơn, Vạn Ninh	IV
6	ĐT.651G	Giao ĐT.651B, Vạn Hưng, Vạn Ninh	Giao QL.26, Ninh Xuân, Ninh Hòa	III
7	ĐT.652B	Giao QL.1, Ninh Đa, Ninh Hòa	Cảng Hòn Khói, Ninh Hải, Ninh Hòa	III
8	ĐT.652D	Giao ĐT.652B, Ninh Diêm, Ninh Hòa	Ninh Vân, Ninh Hòa	IV, III
9	ĐT.652G	Giao QL.1, Ninh Lộc, Ninh Hòa	Giao QL.26, Ninh Tây, Ninh Hòa	III

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch tối thiểu (Cấp; Số làn)
10	ĐT.652H	Giao QL.26, Ninh Xuân, Ninh Hòa	Giao QL.1, thị trấn Diên Khánh, Diên Khánh	III; Đường chính khu vực
11	ĐT. 652L	Giao ĐT.651D, Ninh Sơn, Ninh Hòa	Giao ĐT.652G, Ninh Tây, Ninh Hòa	III
12	ĐT.653	Giao Tuyến tránh của QL.1, thị trấn Diên Khánh, Diên Khánh	Giao QL.27C, thị trấn Khánh Vĩnh, Khánh Vĩnh	III; Đường chính khu vực; đường chính đô thị
13	ĐT.653C	Giao ĐT.652H (Tỉnh lộ 8), Diên Lâm, Diên Khánh	Giao QL.1, Suối Cát, Cam Lâm	III
14	ĐT.653D	Giao ĐT.653, Diên Phước, Diên Khánh	Giao ĐT.654B, Khánh Bình, Khánh Vĩnh	III
15	ĐT.653E	Giao ĐT.653, Diên Thọ, Diên Khánh	Giáp ranh huyện KrôngBông, Đắk Lắk – thuộc Khánh Trung, Khánh Vĩnh, Khánh Hòa	IV
16	ĐT. 653F	Tại nút giao giữa đường ĐT.657M và ĐT.657L, Diên Phú, Diên Khánh	Giao ĐT.653D, Diên Tân, Diên Khánh	III; đường chính đô thị
17	ĐT.654	Giao ĐT.652H, Khánh Bình, Khánh Vĩnh	Khánh Hiệp, Khánh Vĩnh	IV
18	ĐT.654B	Giao QL.27C, thị trấn Khánh Vĩnh, Khánh Vĩnh	Giao ĐT.652H, Khánh Bình, Khánh Vĩnh	III; đường chính đô thị
19	ĐT.654C	Giao ĐT.653D, Khánh Phú, Khánh Vĩnh	Giao ĐT.656, Sơn Bình, Khánh Sơn	III
20	ĐT.655	Nút giao với đường ĐT.657I, Mũi Cù Hin, Cam Hải Đông, Cam Lâm	Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, Cam Nghĩa, Cam Ranh	II

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch tối thiểu (Cấp; Số làn)
21	ĐT. 655B	Giao ĐT.657I, Cam Hải Đông, Cam Lâm	Cam Hiệp Bắc, Cam Lâm	III; Đường trục chính đô thị
22	ĐT. 655D	Giao ĐT.657I, Cam Hải Đông, Cam Lâm	Cam Hiệp Nam, Cam Lâm	III; Đường trục chính đô thị
23	ĐT.656	Giao QL.1, Phường Ba Ngòi, Cam Ranh	Xã Thành Sơn, Khánh Sơn (Giáp ranh Ninh Thuận)	III; Đường chính khu vực
24	ĐT.656B	Giao ĐT.656, Ba Cùm Bắc, Khánh Sơn	Giáp ranh với Bắc Ái, Ninh Thuận (định hướng kết nối QL.27B) – Cam Ranh, Khánh Hòa	III
25	ĐT.657	Giao QL.1, Vĩnh Lương, Nha Trang	Giao ĐT.657I, Cam Hải Đông, Cam Lâm	III; II; Đường trục chính đô thị; đường khu vực
26	ĐT.657B (QL.1C cũ)	Giao QL.1, Vĩnh Lương, Nha Trang	Giao QL.1, thị trấn Diên Khánh, Diên Khánh	II; Đường trục chính đô thị; đường khu vực
27	ĐT.657C	Giao QL.1, Vĩnh Phương, Nha Trang	Giao ĐT.657B (QL.1C cũ), Nha Trang	Đường chính đô thị; đường khu vực
28	ĐT.657D	Giao ĐT.657B (QL.1C cũ), Vĩnh Hải, Nha Trang	Giao ĐT.657I – cầu Bình Tân, Phước Long, Nha Trang	II; Đường trục chính đô thị
29	ĐT.657E	Giao QL.1, Vĩnh Phương, Nha Trang	Giao ĐT.657I, Phước Đồng, Nha Trang	II; Đường trục chính đô thị
30	ĐT.657G (2 nhánh)	Giao ĐT.657, Nha Trang (Nhánh chính)	Tại nút giao QL.1 và QL.27C, Diên Khánh	I; Đường trục chính đô thị
		Giao ĐT.657H, Nha Trang (Nhánh phụ)	Giao nhánh chính, Vĩnh Thái, Nha Trang	I; Đường khu vực
31	ĐT.657H	Giao ĐT.657B (QL.1C cũ) – Nút giao Mã Vòng, Nha Trang	Giao ĐT.657, Vĩnh Nguyên, Nha Trang	Đường khu vực

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch tối thiểu (Cấp; Số làn)
32	ĐT.657I	Giao ĐT.657H, Phước Long, Nha Trang	Cam An Nam, Cam Lâm	II; Đường trục chính đô thị
33	ĐT.657K (2 nhánh)	Giao ĐT.657I, Phước Đồng, Nha Trang (Nhánh 1)	Nút giao đường dẫn lên cao tốc CT.01, Suối Cát, Cam Lâm (giao Nhánh 2)	III
		Giao ĐT.653C, Suối Cát, Cam Lâm (Nhánh 2)	Giao ĐT.654C, Khu vực ranh giới Khánh Sơn – Khánh Vĩnh	
34	ĐT.657L	Giao ĐT.657G, Vĩnh Trung, Nha Trang	QL.1, Diên Phú, Diên Khánh	II; Đường trục chính đô thị
35	ĐT.657M	Giao ĐT.657, Vĩnh Hòa, Nha Trang	Giao QL.1, thị trấn Diên Khánh, Diên Khánh	III; Đường chính đô thị



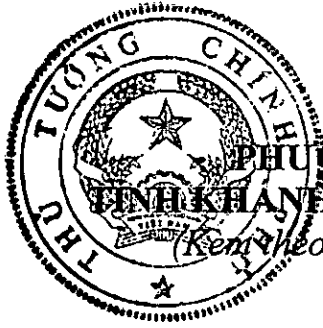
Phụ lục V

**DỰ KIẾN DANH MỤC KHU BẾN THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH KHÁNH HÒA THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Khu Vực	Số lượng bến	Công suất		Cỡ tàu tiếp nhận	
			tấn hàng hóa/năm	triệu hành khách/năm	tấn hàng hóa	hành khách
1	Vịnh Cam Ranh	46	400.000	1,8	50 – 100	60
2	Vịnh Nha Trang	86	505.000	14,5	100 – 400	60 – 350
3	Đầm Nha Phu	17	400.000	1,5	50 – 100	60
4	Vịnh Vân Phong	50	750.000	3,2	100	60

Ghi chú: Địa điểm, quy mô công suất, cỡ tàu tiếp nhận được xác định cụ thể trong quá trình lập dự án đầu tư.



Phụ lục VI

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN VÀ LƯỚI ĐIỆN
TỈNH KHÁNH HÒA THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

A. NGUỒN ĐIỆN

TT	Công trình	Địa điểm	Dự kiến công suất (MW)
I	Điện khí		3.000
II	Thủy điện tích năng		1.200
III	Điện gió ngoài khơi		5.000
IV	Điện rác		
1	Nhà máy điện rác Khánh Hòa	Thôn Khánh Thành Nam, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm	32
2	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Nha Trang	Thôn Lương Hòa, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang	40

B. TRẠM BIẾN ÁP

TT	Danh mục	Công suất hiện trạng (MVA)	Dự kiến công suất (MVA)
I	Trạm biến áp 500kV		
1	Trạm 500kV Vân Phong	2x900	2x900
II	Trạm biến áp 220kV		
1	<i>Đã đầu tư</i>		
	Cam Ranh	2x250	2x250
2	<i>Xây mới</i>		
	Vạn Ninh		2x250
3	<i>Nâng cấp, cải tạo</i>		

TT	Danh mục	Công suất hiện trạng (MVA)	Dự kiến công suất (MVA)
3.1	Máy 2 Vân Phong	1x250	2x250
3.2	Máy 2 Vạn Ninh	1x250	2x250
III	Trạm biến áp 110kV		
1	Vạn Giã	25+25	2x63
2	Ninh Hòa	2x40	2x63
3	Ninh Thủy	1x40	2x63
4	Vạn Ninh 2	1x40	2x40
5	Vân Phong 1		1x40
6	Tu Bông		63+40
7	Vân Phong		63+40
8	Tây Ninh Hòa		63+40
9	Cảng Hòn Khói		40
10	Ninh Vân		2x63
11	Sợi Nha Trang	15	15
12	Đồng Đế	25+40	3x63
13	Mã Vòng	2x63	3x63
14	Nối cáp Nha Trang	1x63	2x63
15	Bình Tân	2x40	3x63
16	Diên Khánh	25+40	2x63
17	Trung tâm Nha Trang	1x63	3x63
18	Khánh Vĩnh		2x40
19	Vinpearl		2x63
20	Lương Sơn		2x63
21	Tây Nha Trang		3x63
22	Đắc Lộc		2x63
23	Vĩnh Hòa		2x63
24	Diên Thọ		2x63
25	Diên Tân		40
26	Suối Dầu	2x25	40+40

TT	Danh mục	Công suất hiện trạng (MVA)	Dự kiến công suất (MVA)
27	Bán đảo Cam Ranh	40	2x40
28	Cam Ranh	2x25	63+40
29	Nam Cam Ranh	16+25	2x40
30	Trung tâm Cam Ranh		2x63
31	Vịnh Cam Ranh		2x63
32	Nổi cấp Cam Ranh		2x40
33	Cam Đức		40
34	Khánh Sơn		2x40
35	Cam Thịnh Đông		40+63
36	Cam Lập		2x40

C. ĐƯỜNG DÂY

TT	Danh mục	Tiết diện	Số mạch	Chiều dài (km)
I	Lưới điện 500kV			
<i>I</i>	<i>Xây dựng mới</i>			
	Đường dây 500kV hai mạch từ Trạm biến áp 500kV Vân Phong đến Trạm biến áp 500kV Bình Định	4xACSR600	2	224
II	Lưới điện 220kV			
<i>I</i>	<i>Xây dựng mới</i>			
1.1	500kV Vân Phong – Rẽ Tuy Hòa – Vân Phong 220kV	2xACSR330	4	26
1.2	Nha Trang – Tháp Chàm (mạch 2, 3)	ACSR400/51	2	88.6
1.3	Vân Phong – Rẽ Nha Trang – Tuy Hòa (mạch 2)	ACSR400	2	0.3
1.4	Vạn Ninh – Rẽ Vân Phong – Tuy Hòa	ACSR400	4	1.5
1.5	Vân Phong 500kV – Vân Phong	2xACSR330	2	23
1.6	Nam Phú Yên – Rẽ Nha Trang – Tuy Hòa	TACSR400	4	3.5

TT	Danh mục	Tiết diện	Số mạch	Chiều dài (km)
2	<i>Cải tạo</i>			
2.1	Nâng khả năng tải Tuy Hòa – Quy Nhơn	Tương đương 2xACSR330	1	93
2.2	Nâng khả năng tải Tuy Hòa – Vân Phong – Nha Trang	2xACSR400	2	118
2.3	Nâng rã Nha Trang – Tháp Chàm (Điện mặt trời Phước Trung – Ninh Thuận)	ACSR400	2	0.4
2.4	Rã Nha Trang - Tháp Chàm (mạch mới Điện mặt trời Thiên Tân 1.4 - Ninh Thuận)	ACSR400	2	2
2.5	Rã Cam Ranh - Tháp Chàm (Điện mặt trời Thiên Tân 3.4 - Ninh Thuận)	ACSR400	2	0.5
2.6	Rã Điện mặt trời Thiên Tân Solar - Nha Trang (Điện mặt trời Thiên Tân 3.5 – Ninh Thuận)	ACSR400	2	9
III	Lưới điện 110kV			
1	<i>Xây dựng mới</i>			
1.1	Nhánh rã Trạm biến áp 110kV Vân Phong	2ACSR240	2	20
1.2	Nhánh rã Tu Bông	2ACSR240	2	1
1.3	Nhánh rã Vạn Ninh 2	2ACSR240	2	0.5
1.4	Nhánh rã Vân Phong 1	2ACSR240	2	2
1.5	Tây Ninh Hòa – Nhiệt điện Ninh Hòa	2ACSR240	2	6
1.6	Nhiệt điện Ninh Hòa – Ninh Hòa	ACSR185	1	5
1.7	Nhánh rã Lương Sơn	2ACSR240	2	0.5
1.8	Đồng Đế - Sợi Nha Trang	ACSR300	1	5
1.9	Nhánh rã Diên Phú	2ACSR240	2	0.5
1.10	Nhánh rã Khánh Vĩnh	2ACSR240	2	0.5
1.11	Mã Vòng – Trung tâm Nha Trang (mạch 1, 2)	CuXLPE 1200	2	2

TT	Danh mục	Tiết diện	Số mạch	Chiều dài (km)
1.12	Mã Vòng - Trung tâm Nha Trang (mạch 3)	CuXLPE 1200	1	2
1.13	Trung tâm Nha Trang – Vinpearl	CuXLPE 1200	2	4
1.14	Nhánh rẽ Vịnh Cam Ranh	2ACSR300	2	8
1.15	Nhánh rẽ Trung tâm Cam Ranh (Ba Ngòi)	2ACSR240	2	0.5
1.16	Nhánh rẽ xi măng Công Thanh	2ACSR185	2	0.2
1.17	Xuất tuyến trạm 220kV Cam Ranh	4ACSR400	4	1.5
1.18	Điện mặt trời Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1ACSR240	1	12
1.19	Xuất tuyến trạm 220kV Vạn Ninh	4ACSR400	4	2
1.20	Nhánh rẽ Cảng Hòn Khói	2ACSR185	2	10
1.21	Nhánh rẽ Tây Nha Trang	2ACSR400	2	0.5
1.22	Nhánh rẽ Cầu Đá	CuXLPE 1200	2	2
1.23	Nhánh rẽ Trảng É	2ACSR400	2	4
1.24	Nhánh rẽ sân bay Cam Ranh	2ACSR240	2	3
1.25	Nhánh rẽ Cam Thịnh Đông	2ACSR240	2	0.5
2	<i>Cải tạo</i>			
2.1	Nha Trang – Ninh Hòa (treo mạch 2)	400	2	31
2.2	Nha Trang – Diên Khánh (ACKII-240 ->2xACSR-400)	400	2	12
2.3	Nha Trang - Đồng Đế (ACSR-240 -> 400)	400	1	4
2.4	Đồng Đế - Mã Vòng (ACSR-300 -> 400)	400	1	12
2.5	Mã Vòng (VT2) – Bình Tân (VT17) (3xACSR-300 -> 4xACSR-400) 2019	400	3	3.4


TT	Danh mục	Tiết diện	Số mạch	Chiều dài (km)
2.6	Mã Vòng (VT2) – Bình Tân (VT17) Treo dây mạch 4	400	1	3.4
2.7	Nhánh rẽ Bình Tân (2xACSR-300 -> 2xACSR-400) 2019	400	2	7.5
2.8	Bình Tân (VT17) – Diên Khánh (VT-676) (ACSR-196 -> 2xACSR-400) 2018	400	2	7.5
2.9	Bình Tân (VT17) – Diên Khánh (VT-676) Treo dây mạch 2	400	1	6.1
2.10	Nhánh rẽ Diên Khánh (2xACSR-240 -> 2xACSR-400) 2018	400	2	0.5
2.11	Diên Khánh (VT 676) - Suối Dầu (ACSR-196 -> 2xACSR-400) 2018	400	2	3
2.12	Diên Khánh (VT 676) - Suối Dầu Treo dây mạch 2	400	1	11
2.13	Suối Dầu – Bán đảo Cam Ranh (VT15) 2018 (ACSR-196 -> 2xACSR-400)	400	2	0,5
2.14	Suối Dầu - Bán đảo Cam Ranh (VT15) Treo dây mạch 2	400	1	14.5
2.15	Nhánh rẽ Bán đảo Cam Ranh 2xACSR-240 -> 2xACSR-400) 2018	400	2	4
2.16	Bán đảo Cam Ranh (VT15) – Xuất tuyến 220kV Cam Ranh (ACSR-196 -> 2xACSR-400) 2018	400	1	5
2.17	Bán đảo Cam Ranh (VT15) - Xuất tuyến 220kV Cam Ranh, Treo dây mạch 2	400	1	5
2.18	Xuất tuyến 220kV Cam Ranh - Cam Ranh (ACSR-196 -> 2xACSR-400) 2018	400	2	7.5
2.19	Cam Ranh – Tháp Chàm (ACSR-185 -> ACSR-2x185)	2x185	2	36

TT	Danh mục	Tiết diện	Số mạch	Chiều dài (km)
2.20	Xuất tuyến 220kV Vân Phong – Ninh Hòa (VT 191) (ACSR-185 -> 2xACSR-330)	300	2	6
2.21	Nhánh rẽ Ninh Thủy (2xACSR-185 -> 2xACSR-330) 2018	300	2	0.8
2.22	Xuất tuyến 220kV Vân Phong - Vạn Giã (ACKII-185 ->2xACSR-330)	300	2	28.2
2.23	Vạn Giã – Hòa Hiệp (Phú Yên) (ACKII-185 ->2xACSR-330)	300	2	36
2.24	220kV Nha Trang - Sợi Nha Trang (ACSR-185 -> ACSR 400)	400	1	4

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án phát triển nguồn điện trên địa bàn căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp và tuyến đường dây 500kV và 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Phụ lục VII
PHƯƠNG AN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI HỒ CHỨA
TỈNH KHÁNH HOA THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Xem theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng		Nhiệm vụ
		Xã	Huyện	
1	Hồ Hoa Sơn	Vạn Long	Vạn Ninh	Cấp nước tưới cho 120 ha lúa và màu
2	Hồ Tiên Du	Ninh Phước	Ninh Hòa	Cấp nước tưới 150ha canh tác (100 ha tưới có giá trị kinh tế), cấp nước sinh hoạt xã Ninh Phước
3	Hồ chứa Đá Bàn	Ninh Sơn	Ninh Hòa	Tăng quy mô cung cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, sản xuất, đặc biệt vùng thường xuyên khô hạn
4	Hồ Cây Sung	Diên Tân	Diên Khánh	Nâng cao năng lực cấp nước hồ chứa
5	Hồ Am Chúa	Diên Điền	Diên Khánh	Phục hồi dung tích hồ chứa, cấp nước phục vụ sản xuất phía hạ du
6	Hồ chứa Cam Ranh	Cam Hòa	Cam Lâm	Cấp nước mùa hạn, phòng chống lũ
7	Hồ Suối Hành	Cam Phước Đông	Cam Ranh	Nâng diện tích tưới lúa lên 315 ha
8	Hồ chứa nước Km8	Cam Phúc Bắc	Cam Ranh	Cấp nước tưới
9	Hồ Chà Rang	Ninh Hưng, Ninh Lộc	Ninh Hòa	Cấp nước cho 250 ha nuôi trồng thủy sản và tưới cho 80 ha lúa, màu; tưới hỗ trợ cho 50 ha lúa khu tưới hồ Sở Quan thuộc các xã Ninh Hưng và Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa.
10	Hồ Ninh Vân	Ninh Vân	Ninh Hòa	Cấp nước sinh hoạt 2000 người; 20 ha đất nông nghiệp; 75 ha nuôi trồng thủy sản
11	Hồ Sông Bung	Ninh Tây	Ninh Hòa	Kết hợp với đập Buôn Đung, tưới 1650 ha lúa, màu
12	Hồ Đá Đen	Xuân Sơn	Vạn Ninh	Cấp nước tưới cho 470 ha lúa và màu
13	Hồ Đắc Lộc (chuyển tiếp)	Vĩnh Phương	Nha Trang	Cấp nước 150 ha cây màu, cây công nghiệp
14	Hồ Công Dinh	Khánh Thượng	Khánh Vĩnh	Cấp nước 90 ha lúa và màu

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng		Nhiệm vụ
		Xã	Huyện	
15	Hồ Suối Sâu	Cam Hiệp Bắc	Cam Lâm	Cấp nước sinh hoạt 10.000 người, cấp nước tưới 250 ha
16	Hồ Sông Cạn	Cam Thịnh Tây	Cam Ranh	Cấp nước 200 ha màu và cây công nghiệp, cấp nước sinh hoạt 11.600 người, khu công nghiệp Nam Cam Ranh 15.000 m ³ /ngày đêm
17	Hồ Suối Nước Ngọt	Cam Lập	Cam Ranh	Cấp nước sinh hoạt 260.000 người, cấp nước khu công nghiệp 5.760 m ³ /ngày đêm
18	Hồ Sơn Trung	Sơn Trung	Khánh Sơn	Cấp nước 140 ha lúa, màu, cây công nghiệp, cấp nước sinh hoạt 20.000 người
19	Hồ Sơn Lâm	Sơn Lâm	Khánh Sơn	Cấp nước 250 ha cây công nghiệp
20	Hồ Dầu Làng Ka Tơ	Ba Cùm Nam	Khánh Sơn	Cấp nước 35 ha màu, cây công nghiệp
21	Hồ Sơn Bình	Sơn Bình	Khánh Sơn	Cấp nước 60 ha màu, cây công nghiệp
22	Hồ Bãi Rạn	Vĩnh Nguyên	Nha Trang	Xây dựng hồ với diện tích 10,5 ha cấp nước ngọt phục vụ du lịch trên đảo Hòn Tre
23	Hồ Đồng Điền	Vạn Phú	Vạn Ninh	Tưới 2019 ha lúa, 850 ha màu, cấp nước sinh hoạt và công nghiệp 150.000 m ³ /ngày đêm; chống lũ, nuôi trồng thủy sản, du lịch, cải tạo môi trường
24	Hồ Núi Vung	Ninh Sơn	Ninh Hòa	Cấp nước 350 ha cây màu
25	Hồ Sông Đung	Ninh Tây	Ninh Hòa	Cấp nước 850 ha lúa, màu, cây công nghiệp
26	Hồ Suối Lũy	Ninh Tân	Ninh Hòa	Cấp nước 200 ha lúa, màu
27	Hồ Ea Chư Chay	Ninh Tây	Ninh Hòa	Cấp nước 400 ha lúa, màu, cây công nghiệp
28	Hồ Sông Đá	Ninh Thượng	Ninh Hòa	Cung cấp nước 80 ha lúa, màu
29	Hồ Ba Hồ	Ninh Ích	Ninh Hòa	Cấp nước tưới 278 ha lúa, màu, cây công nghiệp, 200 ha nuôi trồng thủy sản
30	Hồ Lỗ Lương	Vĩnh Lương	Nha Trang	Cấp nước 140 ha màu, cây công nghiệp

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng		Nhiệm vụ
		Xã	Huyện	
31	Hồ Lỗ Dinh	Diên Lâm	Diên Khánh	Cấp nước 1100 ha lúa và màu
32	Hồ Suối Mây B	Khánh Đông	Khánh Vĩnh	Cấp nước 180 ha lúa và màu
33	Hồ A Xay	Khánh Nam	Khánh Vĩnh	Cấp nước 90 ha màu
34	Hồ Đãng Loi	Cam Tân	Cam Lâm	Cấp nước 200 ha lúa và cây công nghiệp
35	Hồ Suối Mạ	Sơn Lâm	Khánh Sơn	Cấp nước 30 ha màu, cây công nghiệp
36	Hồ Suối Cối	Sơn Lâm	Khánh Sơn	Cấp nước 30 ha màu, cây công nghiệp
37	Hồ Suối Ngựa (Ta Cơn)	Sơn Lâm	Khánh Sơn	Cấp nước 45 ha màu, cây công nghiệp
38	Hồ Suối Mây A	Ba Cùm Bắc	Khánh Sơn	Cấp nước 40 ha màu, cây công nghiệp
39	Hồ Ba Cùm Bắc	Ba Cùm Bắc	Khánh Sơn	Cấp nước 100 ha màu, cây công nghiệp
40	Hồ Tà Lương	Tô Hạp	Khánh Sơn	Cấp nước 95 ha lúa, màu, cây công nghiệp
41	Hồ Kloat Thượng	Sơn Bình	Khánh Sơn	Cấp nước 80 ha lúa, màu, cây công nghiệp



Phụ lục VIII

PHƯƠNG AN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN TỈNH KHÁNH HÒA THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Vị trí khu xử lý	Địa điểm
I	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt	
1	Khu xử lý chất thải rắn Lương Hòa	Thành phố Nha Trang
2	Khu xử lý chất thải rắn Cam Thịnh Đông	Thành phố Cam Ranh
3	Khu xử lý chất thải rắn Các xã cánh Tây Ninh Hòa	Thị xã Ninh Hòa
4	Khu xử lý chất thải rắn Bắc Vân Phong	Huyện Vạn Ninh
5	Khu xử lý chất thải rắn Nam Vân Phong	Thị xã Ninh Hòa
6	Khu xử lý chất thải rắn Hòn Ngang	Huyện Diên Khánh
7	Khu xử lý chất thải rắn Khánh Vĩnh	Huyện Khánh Vĩnh
8	Khu xử lý chất thải rắn Sơn Trung	Huyện Khánh Sơn
9	Khu xử lý chất thải rắn Hòn Dung	Huyện Khánh Sơn
10	Khu xử lý chất thải rắn Suối Cát	Huyện Cam Lâm
11	Khu xử lý chất thải rắn Cam Tân	Huyện Cam Lâm
12	Khu xử lý chất thải rắn Đảo Bình Ba	Thành phố Cam Ranh
13	Khu xử lý chất thải rắn Đảo Trường Sa	Huyện Trường Sa
II	Khu xử lý chất thải rắn công nghiệp	
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn nguy hại liên vùng	
2	Khu xử lý chất thải rắn nguy hại	Thị xã Ninh Hòa
3	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Vân Phong	Thị xã Ninh Hòa

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục IX
CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

TỈNH KHÁNH HÒA THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp quốc gia phân bổ (ha)	Diện tích cấp tỉnh xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng diện tích (ha)
I	Loại đất				
1	Đất nông nghiệp	NNP	392.095		392.095
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	21.483		21.483
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	17.298		17.298
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		28.251	28.251
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	117.947		117.947
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	20.374		20.374
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	137.590		137.590
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	63.066		63.066
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	121.704		121.704
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất khu công nghiệp	SKK	1.120		1.120
2.2	Đất quốc phòng	CQP	17.926		17.926
2.3	Đất an ninh	CAN	1.466		1.466
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		669	669
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		17.668	17.668
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		3.383	3.383
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		867	867
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	21.793		21.793
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông	DGT	13.420		13.420

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp quốc gia phân bổ (ha)	Diện tích cấp tỉnh xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng diện tích (ha)
-	Đất thủy lợi	DTL		3.644	3.644
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	145	-	145
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	119	-	119
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	1.144	-	1.144
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	559	-	559
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2.195		2.195
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	41		41
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		238	238
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		103	103
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		6.262	6.262
2.12	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	5	-	5
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	TON		354	354
2.14	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		1.612	1.612
2.15	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	190	-	190
2.16	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	321		321
2.17	Đất ở tại nông thôn	ONT		7.515	7.515
2.18	Đất ở tại đô thị	ODT		15.684	15.684
2.19	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		266	266
2.20	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		41	41
2.21	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.163		6.163
II	Khu chức năng				
1	Đất khu công nghệ cao	KCN		-	-
2	Đất khu kinh tế	KKT	150.000	-	150.000

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp quốc gia phân bổ (ha)	Diện tích cấp tỉnh xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng diện tích (ha)
	<i>Đất liền</i>				<i>74.969</i>
	<i>Mặt nước</i>				<i>75.031</i>
<i>3</i>	<i>Đất đô thị</i>	<i>KDT</i>	<i>51.090</i>	<i>-</i>	<i>51.090</i>
<i>4</i>	<i>Khu sản xuất nông nghiệp</i>	<i>KNN</i>		<i>45.549</i>	<i>45.549</i>
<i>5</i>	<i>Khu lâm nghiệp</i>	<i>KLN</i>		<i>275.910</i>	<i>275.910</i>
<i>6</i>	<i>Khu du lịch</i>	<i>KDL</i>		<i>12.015</i>	<i>12.015</i>
<i>7</i>	<i>Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</i>	<i>KBT</i>		<i>55.563</i>	<i>55.563</i>
<i>8</i>	<i>Khu phát triển công nghiệp</i>	<i>KPC</i>		<i>3.834</i>	<i>3.834</i>
<i>9</i>	<i>Khu đô thị</i>	<i>DTC</i>		<i>20.279</i>	<i>20.279</i>
<i>10</i>	<i>Khu thương mại - dịch vụ</i>	<i>KTM</i>		<i>10.941</i>	<i>10.941</i>
<i>11</i>	<i>Khu dân cư nông thôn</i>	<i>DNT</i>		<i>18.362</i>	<i>18.362</i>

Ghi chú: Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.



Phụ lục X

**PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT
TỈNH KHÁNH HÒA THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**
(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29...tháng 3...năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên vùng
I	Vùng Bảo vệ nghiêm ngặt
1	<p>Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị. Nội thành, nội thị của các đô thị tỉnh Khánh Hòa theo các Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND và số 17/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thành phố Nha Trang (loại I); Thành phố Cam Ranh (năm 2020: loại III; sau năm 2025: loại II).</p>
2	<p>Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt tỉnh Khánh Hòa gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nguồn cấp hiện tại: Sông Cái Ninh Hòa; Hồ Đá Bàn; Hồ Hòn Khói; Sông Cái Nha Trang (Nhà máy nước Võ Cạnh); sông Cái Nha Trang (trạm Xuân Phong); hồ suối Dầu (Nhà máy nước Suối Dầu); Sông Hàu, hồ Đồng Điền (Nhà máy nước Vạn Ninh); Hồ Hoa Sơn (Nhà máy nước Tu Bông); Suối Dừa, suối Ba Ra (Nhà máy nước Đại Lãnh); Sông Tà Rục (Nhà máy nước Cam Phước Tây); Hồ Cam Ranh Thượng (Nhà máy nước COPAC); Suối Tà Lương (Nhà máy nước Thị trấn Tô Hạp); Sông Khế (Nhà máy nước Thị trấn Khánh Vĩnh).- Nguồn nước dự phòng đến năm 2030: Hồ Đá Bàn, hồ Đồng Điền (Nhà máy nước Ngọc Sơn - xây mới); hồ Tiên Du (Nhà máy nước Hà Thanh - xây mới); Sông Cái Nha Trang (Nhà máy nước Võ Cạnh - giữ nguyên); sông Cái Nha Trang (trạm Xuân Phong - nâng công suất); hồ suối Dầu (Nhà máy nước Suối Dầu - nâng công suất); sông Chò (Nhà máy nước Sơn Thạnh - xây mới); Sông Hàu, hồ Đồng Điền (Nhà máy nước Vạn Ninh - nâng công suất); Hồ Hoa Sơn (Nhà máy nước Tu Bông - nâng công suất); Suối Dừa, suối Ba Ra (Nhà máy nước Đại Lãnh - nâng công suất); Sông Tà Rục (Nhà máy nước Cam Phước Tây - nâng công suất); Cam Ranh Thượng (Nhà máy nước Bắc Cam Nghĩa - xây mới); Hồ Cam Ranh Thượng (Nhà máy nước COPAC - giữ nguyên); Suối Tà Lương (Nhà máy nước Thị trấn Tô Hạp - nâng công suất); Sông Khế (Nhà máy nước Thị trấn Khánh Vĩnh - nâng công suất)- Nguồn cấp nước nông thôn dự kiến xây dựng mới giai đoạn 2021-2025: Sông Chò; Hồ Cam Ranh; Hồ Khải Lương, Hồ Ninh Đảo, hồ Ninh Tân; Hồ Ninh Vân; Hồ Suối Sâu; Hồ sông Cạn; Hồ Suối Nước Ngọt; Hồ Sơn Trung.
3	<p>Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản, gồm có: Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà; Khu Bảo tồn vịnh Nha Trang; Khu bảo vệ hệ sinh thái biển Rạn Trào.</p>

TT	Tên vùng
	Các khu bảo tồn biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được thành lập giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Khu bảo tồn biển Nam Yến; Khu bảo tồn biển vịnh Vân Phong; Khu bảo tồn biển Thuyền Chài; Khu bảo tồn biển Song Tử.
4	Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa: Theo Quyết định số 2228/QĐ-UBND về việc phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh đến ngày 21 tháng 12 năm 2017, trên địa bàn tỉnh hiện có: 16 điểm, khu di tích cấp Quốc gia; 180 điểm, khu di tích cấp tỉnh.
5	Vùng lõi của di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Hiện tại chưa có di sản thiên nhiên nào được công nhận trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
II	Vùng hạn chế phát thải
1	Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt gồm: Vùng đệm khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà; Vùng đệm khu Bảo tồn biển Hòn Mun; Vùng đệm các khu Bảo tồn biển Nam Yến, Vịnh Vân Phong, Thuyền Chài, Song Tử.
2	Vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định theo quy định của pháp luật. Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng biển quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là Khu vực ven bờ Khánh Hòa có diện tích khoảng 212.000 ha.
3	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: Theo quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc phê duyệt danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đoạn năm 2018 đến năm 2022, hiện có 28 đoạn sông phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước.
4	Khu dân cư tập trung nông thôn; nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị, theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 gồm các thị trấn loại IV: Thị xã Ninh Hòa; Thị trấn Diên Khánh; Thị trấn Vạn Ninh; Thị trấn Cam Đức (huyện Cam Lâm). Các thị trấn loại V gồm: Thị trấn Tô Hạp (huyện Khánh Sơn); Thị trấn Khánh Vĩnh (huyện Khánh Vĩnh) và Khu Du lịch Bắc Bán đảo Cam Ranh.
5	Khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm: Bãi biển Nha Trang (vịnh Nha Trang); Bãi biển Hòn Chồng (vịnh Nha Trang); Bãi Trũ đảo Hòn Tre (vịnh Nha Trang); Bãi Hòn Tằm (vịnh Nha Trang); Bãi biển Đại Lãnh (huyện Vạn Ninh); Bãi Sơn Đùng (huyện Vạn Ninh); Bãi biển Dốc Lết (thị xã Ninh Hòa); Bãi Dài (huyện Cam Lâm).

TT	Tên vùng
6	Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ: Các khu vực khai thác khoáng sản; Các khu vực bố trí cơ sở xử lý chất thải; Các khu vực đất nguy hiểm; các vùng đất không ổn định; các khu vực tiềm ẩn nguy cơ tai biến thiên nhiên; Các khu vực nhạy cảm sinh thái trong hành lang bảo vệ bờ biển thuộc đới bờ biển (được quy định trong quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa); Các vùng biển có nguy cơ về ô nhiễm và sự cố môi trường (vịnh biển Nha Trang được quy định trong hệ thống các vùng biển nhạy cảm – khu PSSA).
III	Vùng môi trường khác
	Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa không thuộc danh mục liệt kê tại mục I, II.



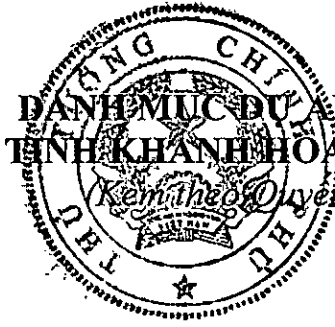
Phụ lục XI

PHƯƠNG AN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG
KHOÁNG SẢN TỈNH KHÁNH HÒA THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN
ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng	Số lượng mỏ
1	Đất, đá làm vật liệu xây dựng thông thường	29
2	Cát xây dựng	4
3	Đất san lấp	42
4	Sét gạch ngói + sét bùn	16
Tổng số		91

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy hoạch cấp cao hơn phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định và điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành.



Phụ lục XII

DANH MỤC DỰ ÁN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
A	CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN	
1	Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn qua Khánh Hòa gồm các đoạn: Vân Phong - Nha Trang; Nha Trang - Cam Lâm, Cam Lâm - Vĩnh Hào	Huyện Vạn Ninh, thị xã Ninh Hòa, huyện Khánh Vĩnh, huyện Diên Khánh, huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh
2	Tuyến cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (CT.24)	Tỉnh Khánh Hòa và Đắk Lắk
3	Tuyến cao tốc Nha Trang (Khánh Hòa) – Liên Khương (Lâm Đồng) (CT.25)	Tỉnh Khánh Hòa và Lâm Đồng
4	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Quốc lộ 26B để kết nối đồng bộ đường cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột	Thị xã Ninh Hòa
5	Đường sắt tốc độ cao đoạn thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang	
6	Nâng cấp, mở rộng cảng hàng không quốc tế Cam Ranh	Thành phố Cam Ranh
7	Hồ chứa nước Đồng Điền	Huyện Vạn Ninh
8	Hệ thống dẫn nước hồ Đồng Điền	Huyện Vạn Ninh
9	Hệ thống dẫn nước Hồ Sông Chò 1	Huyện Khánh Vĩnh, Diên Khánh, Cam Lâm
B	CÁC DỰ ÁN KHÁC	
I	Lĩnh vực giao thông vận tải	
1	Đường giao thông trục chính khu tổng hợp Đầm Môn	Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh
2	Đường giao thông ngoài cảng (giai đoạn 2)	Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
3	Mở rộng đường giao thông từ QL1A đến Cảng Hòn khới (ĐT652) (đúng chỉ giới theo quy hoạch)	Thị xã Ninh Hòa
4	Nâng cấp Mở rộng cải tuyến Tỉnh lộ 1B: đoạn từ Hyundai Vinashin đến Ninh Tịnh	Xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa
5	Nâng cấp Mở rộng ĐT.651D (đoạn QL1 đến tiếp giáp đường cao tốc Bắc Nam)	Xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa
6	Nâng cấp Mở rộng Tỉnh lộ 1A - ĐT.652B (QL1A-Vòng xoay Ninh Diêm)	Thị xã Ninh Hòa
7	Đường liên vùng kết nối Khánh Hòa, Ninh Thuận và Lâm Đồng, từ Yang Bay - Tà Gụ kết nối với Quốc lộ 27C và đường tỉnh ĐT.707, xã Phước Bình, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận	Huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh
8	Tuyến đường vành đai 3 thành phố Nha Trang (đoạn Nguyễn Tất Thành đến Võ Nguyên Giáp)	Thành phố Nha Trang
9	Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi Thị xã Ninh Hòa	Huyện Vạn Ninh, thị xã Ninh Hòa
10	Hoàn thiện hạ tầng giao thông Khu kinh tế Vân Phong	Huyện Vạn Ninh
11	Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	Huyện Diên Khánh và thành phố Nha Trang
12	Đường D25 và kênh thoát lũ Vĩnh Trung	Huyện Diên Khánh và thành phố Nha Trang
13	Đường Nguyễn Huệ (ĐT.651C)	Huyện Vạn Ninh
14	Nâng cấp và làm mới Đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	Huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa
15	Mở rộng đường Quốc lộ 27C từ Nút giao đường Võ Nguyên Giáp đến Nút giao liên thông đường bộ cao tốc Bắc - Nam	Huyện Diên Khánh
16	Các cảng biển tại các khu bến theo quy hoạch	Huyện Vạn Ninh, thị xã Ninh Hòa, thành phố Nha Trang và thành phố Cam Ranh
17	Sân bay cho thủy phi cơ phục vụ du lịch gắn với các cảng khách du lịch tại Vân Phong, Nha Trang và Cam Ranh	

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
18	Tuyến tránh Quốc lộ 1 qua đô thị đoạn Cam Lâm – Cam Ranh	Huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh
II	Lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu	
1	Hồ chứa nước Sông Bung	Xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đá Bàn	Thị xã Ninh Hòa
3	Hồ chứa nước Sông Cạn	Thành phố Cam Ranh
4	Chỉnh trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn 2)	Thành phố Nha Trang
5	Kè và đường dọc sông Cái Nha Trang, đoạn qua thị trấn Diên Khánh và xã Diên Phú, huyện Diên Khánh	Thị trấn Diên Khánh và xã Diên Phú, huyện Diên Khánh
III	Lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, hạ tầng số	
1	Đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa
2	Trung tâm công nghệ thông tin	Huyện Vạn Ninh
3	Khu đô thị giáo dục, phát triển công nghệ và sản xuất phần mềm	Thành phố Nha Trang
IV	Lĩnh vực y tế	
1	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	Thành phố Nha Trang
2	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa (để trở thành bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Trung Bộ)	Thành phố Nha Trang
3	Bệnh viện đa khoa Quốc tế chất lượng cao	Thành phố Nha Trang
4	Khu dịch vụ chăm sóc sức khỏe	Huyện Vạn Ninh
V	Lĩnh vực văn hóa	
1	Xây dựng Bảo tàng tỉnh	Thành phố Nha Trang
2	Cung văn hóa thiếu nhi tỉnh Khánh Hòa	Thành phố Nha Trang
3	Bảo tàng Alexandre Yersin	Thành phố Nha Trang
4	Bảo tàng và Công viên Trường Sa	Huyện Cam Lâm
VI	Lĩnh vực giáo dục	
1	Trường tiểu học, trung học quốc tế	Thành phố Nha Trang

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
VII	Lĩnh vực khoa học công nghệ	
1	Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D)	Huyện Vạn Ninh
2	Trung tâm Khoa học Công nghệ đẳng cấp quốc tế (Trung tâm Trí tuệ Toàn cầu)	Huyện Cam Lâm
3	Trung tâm nghiên cứu Quốc gia về công nghệ đại dương	Thành phố Nha Trang hoặc huyện Cam Lâm
VIII	Lĩnh vực thể thao	
	Đầu tư Khu liên hợp thể thao cấp tỉnh Khánh Hòa tại xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang
IX	Lĩnh vực tài nguyên, Môi trường	
1	Phát triển tích hợp thích ứng - Tiểu dự án tỉnh Khánh Hòa	Thành phố Nha Trang, Thành phố Cam Ranh
2	Các nhà máy xử lý chất thải rắn tại các huyện, thành phố, thị xã	Các địa phương
X	Lĩnh vực du lịch	
1	Đường di sản kết nối Tháp bà Ponaga và Am Chúa, huyện Diên Khánh	Thành phố Nha Trang, huyện Diên Khánh
2	Khu hỗn hợp dịch vụ, du lịch cao cấp đảo Hòn Lớn	Huyện Vạn Ninh
3	Khu hỗn hợp dịch vụ, du lịch cao cấp núi Khải Lương	Huyện Vạn Ninh
4	Khu hỗn hợp dịch vụ, du lịch cao cấp Hồ Na-Cột Buồm - Mũi Đồi	Huyện Vạn Ninh
5	Khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng cao cấp Mũi Đá Sơn	Huyện Vạn Ninh
6	Khu du lịch sinh thái núi cao cấp Sơn Tập	Huyện Vạn Ninh
7	Khu du lịch cao cấp Đảo Điệp Sơn	Huyện Vạn Ninh
8	Nhóm các dự án Khu đô thị dịch vụ, du lịch cao cấp Tuần Lễ - Hòn Ngang	Huyện Vạn Ninh
XI	Lĩnh vực quản lý nhà nước	
	Trụ sở các cơ quan Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh; trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Thành phố Nha Trang

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
	tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội đặc thù của tỉnh	
XII	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư	
1	Di dời và tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã	Thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh
2	Đầu tư xây dựng các khu tái định cư phục vụ phát triển Khu kinh tế Vân Phong	Huyện Vạn Ninh, thị xã Ninh Hòa
XIII	Lĩnh vực hạ tầng khu đô thị	
1	Khu đô thị Đông Bắc Ninh Hòa 1	Thị xã Ninh Hòa
2	Khu đô thị Đông Bắc Ninh Hòa 2	Thị xã Ninh Hòa
3	Khu đô thị Ven vịnh Cam Ranh	Thành phố Cam Ranh
4	Khu đô thị mới Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa
5	Khu đô thị - Trung tâm thương mại Côn Ngọc Thảo và Khu biểu diễn nghệ thuật Côn Nhất Trí	Thành phố Nha Trang
6	Nhóm các dự án Khu đô thị đa năng cao cấp Đầm Môn	Huyện Vạn Ninh
7	Nhóm các dự án Khu đô thị đa năng Cổ Mã - Tu Bông	Huyện Vạn Ninh
8	Khu đô thị đa năng cao cấp Vĩnh Yên - Mũi Đá Sơn	Huyện Vạn Ninh
9	Khu đô thị đa năng Ninh Hải	Thị xã Ninh Hòa
10	Khu đô thị sinh thái - nghỉ dưỡng Đầm Nha Phu	Thị xã Ninh Hòa
11	Khu đô thị sinh thái Diên Khánh - Khánh Vĩnh	Huyện Diên Khánh và huyện Khánh Vĩnh
12	Khu đô thị dọc hai bên bờ Sông Cái Nha Trang	Thành phố Nha Trang và huyện Diên Khánh
XIV	Lĩnh vực công nghiệp	
1	Đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp theo quy hoạch	Các địa phương
2	Đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp theo quy hoạch	Các địa phương
3	Dự án công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác 1	Thị xã Ninh Hòa
4	Dự án công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác 2	Thị xã Ninh Hòa
5	Nhà máy lọc dầu Nam Vân Phong	Thị xã Ninh Hòa

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
6	Tổ hợp hóa dầu Nam Vân Phong 1	Thị xã Ninh Hòa
7	Tổ hợp hóa dầu Nam Vân Phong 2	Thị xã Ninh Hòa
8	Nhà máy sản xuất Hydro xanh và pin nhiên liệu mới	Thị xã Ninh Hòa
XV	Thương mại, dịch vụ	
1	Khu phi thuế quan	Huyện Vạn Ninh
2	Trung tâm thương mại, tài chính Đầm Môn	Huyện Vạn Ninh
3	Khu dịch vụ hậu cần cảng Nam Vân Phong	Huyện Vạn Ninh

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.



Phụ lục XIII

**DANH MỤC BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH KHÁNH HÒA
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên bản đồ	Tỉ lệ
1	Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh	1:100.000
2	Bản đồ hiện trạng phát triển	
2.1	Bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên	1:100.000
2.2	Bản đồ hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội	1:100.000
2.3	Bản đồ hiện trạng phát triển khu công nghiệp	1:100.000
2.4	Bản đồ hiện trạng phát triển cụm công nghiệp	1:100.000
2.5	Bản đồ hiện trạng phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản	1:100.000
2.6	Bản đồ hiện trạng phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch	1:100.000
2.7	Bản đồ hiện trạng phát triển văn hóa, thể thao; giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế; an sinh xã hội; hạ tầng viễn thông thụ động	1:100.000
2.8	Bản đồ hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	1:100.000
2.9	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải	1:100.000
2.10	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi	1:100.000
2.11	Bản đồ hiện trạng phát triển hệ thống cấp nước sinh hoạt và xử lý nước thải	1:100.000
2.12	Bản đồ hiện trạng phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh	1:100.000
2.13	Bản đồ hiện trạng phát triển thông tin và truyền thông tỉnh	1:100.000
2.14	Bản đồ hiện trạng môi trường, thiên nhiên và đa dạng sinh học	1:100.000
2.15	Bản đồ hiện trạng thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên (bao gồm tài nguyên nước)	1:100.000
2.16	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	1:100.000
2.17	Bản đồ hiện trạng phát triển khoa học và công nghệ	1:100.000
2.18	Bản đồ hiện trạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích	1:100.000
3	Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	1:100.000
4	Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:100.000
5	Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:100.000
6	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	

TT	Tên bản đồ	Tỉ lệ
6.1	Bản đồ phương án phát triển dịch vụ, thương mại; du lịch; văn hóa, thể thao; giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; y tế; an sinh xã hội; khoa học và công nghệ	1:100.000
6.2	Bản đồ phương án phát triển khu công nghiệp	1:100.000
6.3	Bản đồ phương án phát triển cụm công nghiệp	1:100.000
7	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	
7.1	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải	1:100.000
7.2	Bản đồ phương án phát triển hệ thống cấp nước sinh hoạt và xử lý nước thải; phương án thoát nước xử lý chất thải rắn và nghĩa trang	1:100.000
7.3	Bản đồ phương án phát triển mạng lưới cấp điện 2030	1:100.000
7.4	Bản đồ phương án phát triển thông tin và truyền thông; hạ tầng viễn thông thụ động	1:100.000
8	Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất	1:100.000
9	Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước	1:100.000
10	Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai, thủy lợi và ứng phó biến đổi khí hậu	1:100.000
11	Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng huyện	1:100.000
12	Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện	1:100.000
13	Bản đồ chuyên đề	
13.1	Bản đồ phương án phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản	1:100.000
13.2	Bản đồ phương án sử dụng biển	1:100.000